



DỰ ÁN ĐẠI SỰ KÝ BIỂN ĐÔNG

Hồ Sơ Dân Quân Trên Biển Của Trung Quốc

**Nhóm tác giả: Nguyễn Thế Phương, Đỗ Văn Minh,
Vân Phạm & Trương Minh Huy Vũ**

Phản biện: Nguyễn Hồng Thao & Trần Bằng

04/2019

Đóng góp của nhóm tác giả: Nguyễn Thế Phương phát triển ý tưởng và viết hồ sơ. Đỗ Văn Minh hỗ trợ dịch thuật tài liệu. Vân Phạm và Trương Minh Huy Vũ xây dựng khung ý tưởng cho hồ sơ. Dự án Đại Sự Ký Biển Đông tổ chức thực hiện hồ sơ.

Nguyễn Thế Phương là Thạc sỹ ngành Đông Á học, Đại học Duisburg-Essen, Đức. **Đỗ Văn Minh** là cán bộ Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam. **PGS. TS Nguyễn Hồng Thao, TS Vân Phạm** và **TS Trương Minh Huy Vũ** là thành viên Dự án Đại Sự Ký Biển Đông. **Trần Bằng** là nghiên cứu sinh tiến sỹ lãnh vực Khoa học Chính trị tại Đại học Paris 2 Pantheon – Assas.

Dự án Đại Sự Ký Biển Đông – The South China Sea Chronicle Initiative (SCSCI) là một dự án phi lợi nhuận, phi chính trị với sứ mệnh xây dựng các biên niên sự kiện, tổng hợp và hệ thống hoá tư liệu, thông tin về các chủ đề quan trọng của tranh chấp Biển Đông theo tiêu chuẩn khoa học, đa chiều. Mục đích của Dự án nhằm góp phần cung cấp tư liệu và một bức tranh tổng thể và hệ thống về diễn tiến tranh chấp Biển Đông, giúp các nhà phân tích và hoạch định chính sách có thể hiểu được thực sự bản chất tranh chấp và có những đánh giá, giải pháp đúng đắn, đem lại công bằng và hoà bình, hướng tới an ninh và hợp tác bền vững trong khu vực.

Website: <https://daisukybiendong.wordpress.com>

Facebook: <https://www.facebook.com/daisukybiendong/>

Email: sukybiendong@gmail.com

Tài khoản tài trợ qua Paypal: sukybiendong@gmail.com

Các ấn phẩm của Dự án Đại Sự Ký Biển Đông không nhất thiết thể hiện quan điểm của tất cả thành viên và cộng tác viên, hay các nhà tài trợ Dự án Đại Sự Ký Biển Đông. Bản quyền các ấn phẩm thuộc về các tác giả, dịch giả và Dự án Đại Sự Ký Biển Đông. Mọi sự sử dụng lại hay trích dẫn phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài gốc trên Dự án Đại Sự Ký Biển Đông. Sử dụng cho mục đích thương mại phải được sự đồng ý bằng văn bản của Dự án Đại Sự Ký Biển Đông.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	1
1. Vai trò của lực lượng dân quân biển trong chiến lược an ninh biển của Trung Quốc	2
2. Cách thức tổ chức, quản lý.....	5
3. Năng lực của dân quân biển Trung Quốc.....	12
3.1. Dân quân biển Tam Á	12
3.2. Dân quân biển Đạm Châu	13
3.3. Dân quân biển Đường Môn	14
3.4. Dân quân biển Tam Sa.....	16
4. Các sự kiện có liên quan tới dân quân biển TQ	18
5. Hệ quả pháp lý	23
Kết luận.....	27
NHÀ TÀI TRỢ.....	29

Lời giới thiệu

Dân quân biển Trung Quốc là một bộ phận quan trọng cấu thành bộ khung của lực lượng chấp pháp biển Trung Quốc. Tuy nhiên, tầm quan trọng và mức độ ảnh hưởng của lực lượng này mới chỉ được giới nghiên cứu quan tâm trong vòng 10 năm trở lại đây kể từ khi Trung Quốc trở nên hung hăng và chủ động hơn trong các tranh chấp biển. Hồ sơ dân quân biển được lập ra với mục tiêu giới thiệu một tài liệu mang tính tổng hợp về vai trò, lịch sử và tầm quan trọng của lực lượng dân quân biển trong tổng thể chiến lược an ninh hàng hải của Trung Quốc. Qua đó, nhóm tác giả mong muốn mang tới cho người đọc một cái nhìn tổng quan và toàn diện về lực lượng quan trọng này thông qua việc tổng hợp từ những nguồn tài liệu học thuật bằng tiếng Anh.

Hồ sơ được chia làm 5 phần chính. Phần đầu tiên sẽ nêu lên vai trò và vị trí của lực lượng dân quân biển trong chiến lược an ninh biển của Trung Quốc thông qua quá trình phân tích bản chất, khái niệm và tính chất của *chiến lược cải bắp*; *tình tiến cưỡng bức* hay còn được gọi là *chiến lược vùng xám* liên quan tới cách thức Trung Quốc vận hành các lực lượng chấp pháp biển của mình. Đây là một chiến lược quân sự vận hành dựa trên những giả định tương quan quyền lực của Trung Quốc trong khu vực và trên thế giới. Phần thứ hai tập trung vào cách thức tổ chức và quản lý lực lượng dân quân biển. Phần thứ ba miêu tả năng lực của dân quân biển Trung Quốc chủ yếu thông qua loạt bài 5 kỳ của Andrew S. Erikson và Conor M. Kennedy mô tả một cách chi tiết về 5 nhóm dân quân biển khác nhau ở Hải Nam, Trung Quốc. Phần thứ tư liệt kê các sự kiện chính có liên quan tới dân quân biển Trung Quốc từ năm 2009 trở lại đây, tập trung xung quanh những tranh chấp giữa Trung Quốc và các quốc gia có liên quan tại Biển Đông. Khoảng thời gian từ năm 2009 được chọn do đây là thời điểm bắt đầu cho chính sách an ninh có phần hung hăng của Trung Quốc và cũng là thời điểm Bắc Kinh triển khai các chính sách an ninh biển mới của mình. Phần thứ năm nêu lên các hệ quả pháp lý quốc tế có liên quan tới vấn đề dân quân biển.

1. Vai trò của lực lượng dân quân biển trong chiến lược an ninh biển của Trung Quốc

Dân quân biển Trung Quốc có thể được xem như là một trong những công cụ quan trọng trong *chiến lược cải bắp* (cabbage strategy) của Bắc Kinh. Hiểu nôm na thì *chiến lược cải bắp* sử dụng dân quân biển, cùng với các tàu cá dân sự, cảnh sát biển và hải quân, tạo nên nhiều “lớp” hiện diện khác nhau trên khắp các vùng biển tranh chấp. Trong đó, dân quân biển và ngư dân là lớp thứ nhất, cảnh sát biển là lớp thứ hai, hải quân là lớp cuối cùng. Christopher Yung và Patrick McNulty đã cho rằng Trung Quốc đã sử dụng chiến lược kết hợp này tại các khu vực tranh chấp nhiều hơn bất cứ quốc gia nào khác tại khu vực Biển Đông.¹

Tiệm tiến cưỡng bức

Chiến lược cải bắp còn có thể được mô tả thông qua một khái niệm mang tính học thuật hơn: *chiến lược tiệm tiến cưỡng bức* (coercive gradualism).² Hiểu rõ được chiến lược này sẽ giúp chúng ta nắm được mục đích, hành vi cũng như các kết quả chính sách mà Trung Quốc mong muốn đạt được thông qua thiết lập các vùng xám (gray zones) trên biển. *Chiến lược tiệm tiến* (gradualism) là “những nguyên tắc hay chính sách nhằm đạt được một mục tiêu cụ thể nào đó thông qua những bước đi tiệm tiến, từ từ thay vì thay đổi ngay lập tức”.³ Có hai cách tiếp cận chính đối với *chiến lược tiệm tiến*, thứ nhất là sử dụng nó theo những cách thức giúp thúc đẩy hợp tác, đảm bảo lợi ích của tất cả các bên (*cooperative gradualism*) và thứ hai là sử dụng chiến lược tiệm tiến khiến cho lợi ích của chủ thể khác bị tổn hại (*coercive gradualism*).

Chiến lược tiệm tiến cưỡng bức có ba nhân tố chính. Thứ nhất, một quốc gia mong muốn mở rộng lợi ích của mình đồng thời cũng khiến lợi ích của các chủ thể khác bị tổn hại. Sự hung hăng này thường đi kèm với những hành vi đe dọa. Tiếp theo, quốc gia đó có thể thi hành chính sách hung hăng theo kiểu tiệm tiến, từng bước một, đặt trong từng bối cảnh cụ thể. Ở đây, mặc dù có thể sở hữu đầy đủ phương tiện và cách thức để đạt được mục tiêu ngay lập tức, tuy nhiên quốc gia đó nhận thấy cái giá phải trả là tương đối cao nếu xét tới môi trường quốc tế xung quanh không phù hợp. Kể từ bây giờ sẽ có thể *lựa chọn* cách tiếp cận tiệm tiến. Chính vì thế *có khả năng lựa chọn* chính là nhân tố cuối cùng định nghĩa *chiến lược tiệm tiến mang tính cưỡng bức*.

¹ Yung and McNulty (2015) “An Empirical Analysis of Claimant Tactics in the South China Sea,” *Strategic Forum* 289, National Defense University.

² Có thể sử dụng cách dịch thuần Việt hơn: lần dần dựa trên sức mạnh. Trước đây, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, quân đội Việt Nam gọi chiến thuật của mình là cách “đánh lần”, kết hợp giữa chiến tranh chiến hào và chiến tranh du kích. Chiến thuật này về bản chất là tiến dần vào khu vực địch và bám chắc. Địch không thể can nổi dù biết.

³ William G. Pierce, Douglas G. Douds, and Michael A. Marra (2015) “Countering Gray-Zone Wars,” *The US Army War College Quarterly Parameters* 45(3): 51 – 61.

Lợi ích trước hết sẽ là động cơ thúc đẩy một quốc gia theo đuổi cụ thể *chiến lược tiệm tiến cưỡng bức*. Và thông thường chiến lược này chỉ có thể được sử dụng bởi các cường quốc, do bản thân cường quốc sở hữu đủ phương tiện và cách thức để có thể đạt được lợi ích của mình. Các nước nhỏ và yếu thường không có nhiều *lựa chọn* chính sách đủ để thúc đẩy mục tiêu, do đó khó có thể áp dụng *tiệm tiến cưỡng bức*. Ngoài ra, nếu như đồng minh của quốc gia yếu hơn được dự đoán không có những chính sách phản ứng đúng mức, thì quốc gia mạnh hơn hay hung hăng hơn hoàn toàn có thể áp dụng *chiến lược tiệm tiến cưỡng bức*. Nên chú ý khái niệm “cưỡng bức”, vì thông thường các yếu tố “cưỡng bức” cũng mang hàm ý là chủ động và có phần hung hăng, và *tiệm tiến cưỡng bức* thông thường được các nước lớn áp dụng hơn là các nước nhỏ, không có nhiều nguồn lực, đặt trong bối cảnh cạnh tranh quyền lực và tài nguyên trên biển. Còn trong trường hợp trên đất liền, sẽ cần một phân tích khác ở một bài viết khác.

Các yếu tố ngoại biên cũng có thể tác động tới hành vi của nước gây hấn. Điển hình như nếu như cộng đồng quốc tế không có phản ứng phù hợp, hoặc không thể đưa ra các phản ứng đủ để khiến quốc gia gây hấn ngừng các hành động quyết đoán của mình. Bên cạnh đó, niềm tin cho rằng quốc gia gây hấn có thể né tránh hoặc làm giảm đi tác động của các phản ứng hay trừng phạt cũng khiến cho tính áp dụng của *chiến lược tiệm tiến cưỡng bức* gia tăng. Cuối cùng, yếu tố không gian và thời gian cũng quan trọng trong việc tác động tới hành vi của quốc gia gây hấn (ở đây là không gian và thời gian ở cả trong nước – đối nội và ngoài nước – đối ngoại). Ví dụ như liệu môi trường quốc tế có phù hợp để triển khai chính sách quyết đoán hay không? Hay liệu các nhóm lợi ích trong nước có đủ kiên nhẫn và thống nhất để ủng hộ một chính sách được tiến hành tiệm tiến? Thời gian ở đây được xem là một biến số khó đoán, vì nó không thuộc quyền kiểm soát của bất cứ một bên nào trong chiến lược này.

Vùng xám

Một trong những lý thuyết tương tự có tên gọi là “*chiến lược vùng xám*” (*gray zone strategy*) được định nghĩa là “nỗ lực hay một chuỗi những nỗ lực vượt ra ngoài phạm vi của ngăn chặn hay đảm bảo thông thường, với mục đích đạt được các mục tiêu an ninh mà không cần dùng tới vũ lực một cách quy mô và trực tiếp”⁴. Sử dụng chiến lược này tức là duy trì căng thẳng ở một mức độ chấp nhận được và không để căng thẳng vượt quá tầm kiểm soát dẫn tới chiến tranh.

Có nhiều cách để thực hiện chiến lược này, ví dụ như sử dụng các lực lượng được uỷ nhiệm (proxies), các hoạt động quân sự bí mật (covert operations) hay sử dụng các lực lượng bán quân sự (paramilitary). Những chiến thuật này có thể xảy ra trên khắp các loại chiến trường,

⁴ Michael J. Green, Kathleen H. Hicks, John Schaus, Jake Douglas, and Zack Coor (2017) "Contering Coercion in Maritime Asia: The Theory and Practice of Gray Zone Deterrence," *CSIS Report*, ISBN# 978-1-4422-7997-1: 20.

trên bộ, trên không, trên biển, không gian mạng cho tới kinh tế, luật pháp và thiết lập ảnh hưởng. “Chiến lược vùng xám” còn được nhiều nhà phân tích đánh đồng với thuật ngữ “Chiến lược hỗn hợp” (*hybrid strategies*). Tuy nhiên cũng có quan điểm cho rằng hai khái niệm này có quan hệ với nhau nhưng không nhất thiết là tương đồng. Trong khi *chiến lược hỗn hợp* kết hợp các chiến thuật quân sự khác nhau trên khắp các đặc trưng từ vũ khí hạt nhân, vũ khí quy ước cho đến cả các loại vũ khí phi quy ước, thì *vùng xám* lại không sử dụng vũ lực một cách quy mô mà chỉ áp dụng một số đặc trưng của *chiến lược hỗn hợp*, tức là không bao gồm sử dụng vũ khí hạt nhân hay các loại vũ khí quy ước có tính huỷ diệt cao.

Có nhiều đặc tính có thể mô tả *vùng xám*, ví dụ như “không bao giờ thực sự là chiến tranh cũng không phải là hòa bình” (“*never fully war nor fully peace*”); “thể hiện hình thái giữa hòa bình và tình huống khẩn cấp” (“*represents the state between peacetime and an emergency situation*”); “tình trạng cạnh tranh an ninh giữa chiến tranh và hòa bình” (“*as a state of security competition between peace and war*”); “sử dụng lực lượng quân sự không theo tình huống chiến tranh nhưng chắc chắn không phải là hòa bình” (“*uses of military force that fall short of actual war but which definitely not qualify as peace*”); “nằm giữa chiến tranh truyền thống và hòa bình” (“*lie between classic war and peace*”); “cạnh tranh chính trị một cách hoà bình giữa các quốc gia và chiến tranh mở” (“*peaceful interstate political competition and open war*”); và cuối cùng như Bộ Tư lệnh Chiến dịch Đặc biệt của Mỹ đã nhận xét *vùng xám* “nằm giữa chiến tranh truyền thống và một nền hoà bình song trùng” (“*fall between the traditional war and peace duality*”). Tựu chung lại, *vùng xám* là một cách ám chỉ tính chất của chiến lược nằm giữa ranh giới của hoà bình và xung đột, không hoàn toàn là yên bình nhưng cũng không tới mức độ gây ra xung đột nóng. Nói cách khác, để hạn chế xung đột, ít nhất một bên phải chọn không tiếp tục leo thang căng thẳng. Sẽ có một lần ranh đỏ mà ở đó không bên nào được vượt qua vì nếu vượt qua sẽ dẫn tới chiến tranh. Sử dụng ngoại giao nhuần nhuyễn nhưng lại kết hợp với một môi trường đối ngoại bất định sẽ thích hợp để tận dụng *vùng xám*. Chiến lược này đi kèm với các tranh chấp và cạnh tranh căng thẳng trong một thời gian dài, nhưng rõ ràng là không có chiến tranh hay xung đột quân sự.

Các đặc trưng của một *vùng xám* bao gồm:

- Bất đối xứng (asymmetry): Việc các bên tránh được xung đột được là do họ nhận thức được rằng nếu làm bùng phát căng thẳng, cái giá phải trả lớn hơn rất nhiều so với những lợi ích khác. Việc tính toán giữa lợi ích và cái giá phải trả dựa trên tương quan so sánh lực lượng giữa các bên có liên quan. Bất đối xứng sẽ khiến cho một quốc gia xem cái giá phải trả cho xung đột trở nên vượt trội hơn so với lợi ích. Có hai kiểu bất đối xứng:

Bất đối xứng về lợi ích khi một bên quan tâm hơn tới một mục tiêu nào đó hơn một bên khác, do những khác biệt về địa lý, chiến lược, lịch sử, chính trị nội bộ... Mặc dù nước lớn hơn và

mạnh hơn có khả năng thắng thế trong chiến tranh, nước nhỏ vẫn có thể là bên hưởng lợi nếu như chịu chấp nhận rủi ro lớn hơn.

Bất đối xứng về năng lực là khi một quốc gia có năng lực quân sự mạnh hơn các quốc gia khác. Ở đây không hẳn là bất đối xứng toàn diện về mặt năng lực, mà có thể chỉ cần là bất đối xứng điểm.

Vậy thì một quốc gia tận dụng các bất đối xứng để tiến hành *chiến lược vùng xám* như thế nào? (1) Quốc gia đó có thể thách thức những mục tiêu mà quốc gia khác ít có lợi ích/năng lực để quan tâm nhất; (2) quốc gia đó có thể gia tăng căng thẳng tại những vùng xung đột mà mình có lợi thế nhất và tránh những vùng mà đối thủ có lợi thế. Có thể lấy ví dụ, tại Tây Thái Bình Dương, nước Mỹ có lợi thế về vũ khí thông thường và vũ khí hạt nhân nhưng lại không có lợi thế về cảnh sát biển hay các lực lượng chấp pháp bán vũ trang. Vì thế, việc Trung Quốc có thể sử dụng lực lượng cảnh sát biển hay các lực lượng dân quân biển và tàu cá mang lại những tác động chính trị/chiến lược rất lớn tại Biển Đông và Biển Hoa Đông, làm phức tạp hoá các hoạt động hải quân của Mỹ và đồng minh trong khu vực.

- Mập mờ (ambiguity): tính mập mờ là một điểm quan trọng khác. Thứ nhất là mập mờ về mặt thông tin, khiến cho sự thật trên thực địa trở nên khó kiểm chứng và bất định. Thứ hai là mập mờ về mặt hành vi, khiến cho người ta không biết hành vi nào là được phép/hợp pháp, hành vi nào không. Điều này dẫn tới việc các bên liên quan sẽ rất khó khăn trong việc xác định khi nào thì bị xem là phạm luật, khi nào thì vi phạm các quy tắc đã được thống nhất từ trước, hay khi nào thì hiện trạng bị phá vỡ.

- Tiến từng bước nhỏ (incrementalism): các quốc gia tránh chiến tranh bằng cách thực hiện các hành vi của mình một cách có kiểm soát, từng bước một. Đặc trưng này khiến cho đối phương khó nhận biết được mức độ nghiêm trọng/quan trọng của từng hành vi cụ thể, và qua đó làm chậm quá trình phản ứng của đối phương. Tiệm tiến cũng liên quan tới khái niệm *salami slicing* trong đó đối thủ “tiến hành các bước đi nhỏ, tiệm tiến vốn sẽ không có nguy cơ gây ra phản ứng quân sự từ các bên còn lại, nhưng lại từ từ khiến cho thực trạng tranh chấp thay đổi theo hướng có lợi cho mình”.⁵

2. Cách thức tổ chức, quản lý

Để bảo vệ cho cái mà Trung Quốc gọi là *quyền lợi và lợi ích trên biển* (MRIs), nước này đã duy trì thời gian và công sức để ban hành những quy định và luật pháp cụ thể. Đặc biệt hơn,

⁵ Michael McDevitt (2014) "The South China Sea: Assessing U.S. Policy and Options for the Future," *A CNA Occasional Paper* (Arlington, VA: CNA Corporation): iv.

tái định hình khái niệm “cai trị quốc gia dựa trên luật pháp”⁶ thông qua bởi Hội nghị Trung ương 4 khoá 18 của Đảng Cộng sản Trung Quốc (CCP) vào tháng 10 năm 2014 nhấn mạnh hơn nữa tới tầm quan trọng của luật và quy định có liên quan trong bảo vệ MRIs.

Hệ thống luật pháp Trung Quốc liên quan tới bảo vệ MRIs được xây dựng dựa trên sự tham gia chính thức của Trung Quốc vào UNCLOS năm 1996. Những quy định của UNCLOS đã giúp Trung Quốc gia tăng nhận thức của mình về MRI. Ở đây có hai điểm cần chú ý: (1) chưa xuất hiện một quy trình chuẩn xác nào để hợp lý hoá các nghĩa vụ pháp lý quốc tế của Trung Quốc trở thành một phần của thông lệ quốc tế và; (2) không chắc chắn việc luật pháp nội địa của Trung Quốc có phù hợp với các yêu cầu của chính UNCLOS hay không. Cả hai đặc điểm trên cùng với đặc trưng thứ (3): hệ thống chính trị-luật pháp đặc trưng ở Trung Quốc hàm ý rằng mọi quy định mà Trung Quốc đưa ra có thể được xem là phản ánh quan điểm của giới lãnh đạo nước này về MRIs.

Trung Quốc sở hữu một lực lượng tàu đánh cá được cho là lớn nhất thế giới. Hàng ngàn ngư dân làm việc trên các tàu đánh cá đó, và trong các ngành nghề có liên quan, đều được đăng ký là một phần của lực lượng dân quân biển. Lực lượng dân quân biển Trung Quốc là một tổ chức vũ trang lớn chủ yếu bao gồm ngư dân và những người đi biển thuộc khu vực kinh tế dân sự, được huấn luyện và được điều động để phòng thủ hoặc nâng cao khả năng bảo vệ “quyền và lợi ích hàng hải” của Trung Quốc, và hỗ trợ cho hải quân trong thời gian có chiến tranh.

Lực lượng vũ trang nhân dân Trung Quốc bao gồm Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc (quân đội - PLA), Cảnh sát biển Trung Quốc, Cảnh sát vũ trang nhân dân (PAP), và lực lượng dân quân mà dân quân biển Trung Quốc là một phần của nó. Về căn bản những thành viên trực thuộc dân quân biển vẫn hoạt động sản xuất như bình thường, tuy nhiên đồng thời họ sẽ phải tham gia huấn luyện và phục vụ nhiều hoạt động khác nhau khi có yêu cầu từ nhà nước. Để có thể hiểu đầy đủ hoạt động của Lực lượng dân quân biển Trung Quốc, đánh giá mối quan hệ mang tính thể chế giữa PLA và dân quân là một yêu cầu hết sức quan trọng.

Dân quân được xây dựng như là một nhánh riêng biệt trong lực lượng vũ trang. Sách Trắng Quốc phòng Trung Quốc 2013 đã chỉ ra rằng dân quân “là lực lượng hỗ trợ và dự bị cho PLA”. Trong khi được xem là lực lượng dự bị, chúng ta không nên nhầm lẫn dân quân với các lực lượng dự bị thực sự của PLA. Trung Quốc xây dựng dân quân và dự bị cho PLA cùng lúc như là hai bộ phận khác nhau của hệ thống dự bị động viên. Trong các văn bản chính thức, Trung Quốc định danh lực lượng dân quân là “Dân quân Trung Quốc” (中国民兵), lực lượng dự bị quan trọng đóng vai trò song song và đồng thời hỗ trợ cho PLA. Dân quân vì thế có hai trách nhiệm chính: (1) hỗ trợ PLA trong nhiệm vụ phòng thủ Trung Quốc trước các

⁶ Zachary Keck, “4th Plenum: Rule of Law with Chinese Characteristics”, *The Diplomat*, October 2014, <https://thediplomat.com/2014/10/4th-plenum-rule-of-law-with-chinese-characteristics/>. Truy cập 11/2/2019.

nguy cơ từ bên ngoài, (2) hỗ trợ các lực lượng an ninh nội địa Trung Quốc trong việc đảm bảo ổn định xã hội và tham gia vào các hoạt động giảm thiểu rủi ro thảm họa, thiên tai.

Dân quân có cấu trúc tổ chức quân sự riêng biệt, mặc dù lực lượng này là một nhánh riêng biệt của Lực lượng vũ trang Trung Quốc. Dân quân được tổ chức và chỉ huy trực tiếp bởi các Bộ chỉ huy quân sự địa phương của PLA. Lực lượng dân quân Trung Quốc nằm dưới tác động của “hệ thống trách nhiệm đôi” vốn là đặc trưng cốt lõi của khái niệm lãnh đạo song hành dân sự-quân sự tại các địa phương. Hệ thống này được thực hiện thông qua nhiều cơ chế đã được thể chế hoá trong đó các lãnh đạo quân sự và dân sự địa phương phục vụ ở các vị trí trong các cơ quan Đảng uỷ của nhau vốn giám sát hoạt động của dân quân. Lãnh đạo dân sự được bổ trí vào bộ chỉ huy quân sự địa phương giúp bảo đảm rằng “Đảng kiểm soát nòng súng” và thiết lập một những hỗ trợ cần thiết bằng cách điều động hợp lý các nguồn lực từ địa phương.

Một cách căn bản, dân quân là lực lượng địa phương được điều hành bởi chính quyền tỉnh nhằm hỗ trợ cho các nỗ lực quốc phòng. Điều này được phản ánh qua mối quan hệ giữa các lãnh đạo quân sự và dân sự địa phương. Các chính sách hoạt động dân quân quốc gia được giao xuống cho các tỉnh bởi Cục điều động quốc phòng trực thuộc Quân uỷ Trung ương, đứng đầu là các tướng lĩnh PLA. Các khu vực quân sự cấp tỉnh của PLA (PLA Provincial Military District hay MD) gửi các yêu cầu xây dựng lực lượng dân quân của họ tới chính quyền tỉnh và bộ máy của Đảng, vốn sau đó sẽ phác thảo kế hoạch ngân sách cho quá trình xây dựng của dân quân như một phần trong các kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội. Bộ chỉ huy của PLA ở địa phương sau đó tổ chức, huấn luyện và chỉ huy các đơn vị dân quân. Khi được yêu cầu, các cơ quan chính phủ có liên quan tới vấn đề biển/hàng hải cũng sẽ tiến hành giúp đỡ giới chức quân sự và chính quyền địa phương trong việc xây dựng dân quân biển. Ví dụ, các cơ quan chấp pháp hàng hải ở địa phương như Lực lượng chấp pháp biển hay Cảnh sát biển Trung Quốc cung cấp huấn luyện bài tập luyện an toàn và kỹ thuật phù hợp với chuyên môn của họ. Cả chính quyền Trung ương và địa phương đều có nghĩa vụ cung cấp tài chính cho dân quân. Chính quyền địa phương cung cấp lương bổng và khoản chi phí khấu hao khác trong quá trình dân quân tiến hành huấn luyện hoặc thực hiện nhiệm vụ. Vì chính quyền địa phương cung cấp tài chính cho dân quân, họ có thể điều động các đơn vị này nếu cần. Lực lượng dân quân cũng cung cấp nguồn nhân lực sẵn sàng cho chính quyền địa phương trong các trường hợp khẩn cấp, ví dụ như khi xảy ra thảm họa thiên nhiên, hoặc khi cần thực thi pháp luật, và các nỗ lực tìm kiếm cứu nạn. Việc phân chia trách nhiệm như trên yêu cầu các lãnh đạo dân sự và quân sự phối hợp trong quá trình xây dựng lực lượng dân quân.

Tầng cuối của hệ thống chỉ huy PLA ở địa phương là các Cục Vũ trang nhân dân (People's Armed Forces Departments – PAFD), vốn kết nối lực lượng dân quân biển trực tiếp với chuỗi chỉ huy của PLA. Hệ thống các cục này còn được chia ra thêm thành hai loại, ở cấp huyện (county-level) và ngay tại cấp cơ sở (grassroots-level). Các PAFD ở cấp huyện, mà thông qua đó lực lượng dân quân biển tiến hành liên lạc và nhận chỉ thị, ví dụ như nhận lệnh điều động

hoặc tiến hành nhiệm vụ, được điều hành bởi các quân nhân PLA chính quy. Các PAFD cấp cơ sở được điều hành bởi các nhân viên dân sự. Lương bổng của các nhân viên này được chi trả bởi chính quyền địa phương và đôi khi họ làm việc theo cơ chế bán thời gian. Các đơn vị PAFD cấp cơ sở chính là các đơn vị trực tiếp nhất mà qua đó lực lượng dân quân có thể trao đổi với hệ thống chỉ huy PLA một cách thường xuyên, bởi vì PLA hầu như quản lý trực tiếp quá trình tuyển lựa, lên kế hoạch, tổ chức, huấn luyện và các chính sách vận hành của dân quân.

Trạng thái của dân quân như là một lực lượng vũ trang không trực thuộc PLA được phản ánh hơn nữa thông qua việc áp dụng chính sách “phối hợp hoạt động giữa lực lượng quân đội, lực lượng chấp pháp và lực lượng phòng vệ dân sự”. Trên biển, chính sách này được thực hiện theo công thức “phối hợp hoạt động giữa hải quân, lực lượng thực thi pháp luật trên biển và dân quân biển”. Quản lý hệ thống phòng thủ chung này là trách nhiệm chính của hệ thống chỉ huy PLA đặt ở biên giới hoặc ở khu vực duyên hải, ví dụ như tiền đồn Tam Sa trên đảo Phú Lâm thuộc quần đảo Hoàng Sa. Các nỗ lực như trên giúp tăng cường tính tích hợp và sự phối hợp giữa các lực lượng địa phương, như là dân quân biển và cảnh sát, thông qua các hoạt động tác chiến hỗn hợp của các quân chủng trong PLA. Các nỗ lực phối hợp hoạt động của các lực lượng địa phương với các chiến dịch hiệp đồng đa binh chủng nhằm giúp dân quân biển có thể hoạt động một cách nhịp nhàng với lực lượng quân đội chính quy tới từ các quân chủng của PLA. Các nguồn chính thức từ Trung Quốc chỉ ra rằng các đơn vị dân quân biển đang nhận được huấn luyện quân sự trực tiếp từ hải quân. Tàu thuyền trực thuộc các hải đội dân quân biển được diễn tập trực tiếp với các tàu chiến của hải quân và cảnh sát biển Trung Quốc. Để khuyến khích dân quân biển hoạt động, các địa phương cung cấp cho các thành viên lực lượng này nhiều loại hình hỗ trợ khác nhau như phí phụ cấp và tiền công, bao gồm cả lương hưu cơ bản, các lợi ích xã hội và các trợ cấp khác.

Các đơn vị dân quân được thành lập với mục đích hỗ trợ đặc biệt cho quân đội, còn được gọi là “Phân đội Hỗ trợ dịch vụ” (Service Support Detachments), cũng nhận được sự quan tâm ngày càng lớn trong thập kỷ qua. “Phân đội dân quân hải quân đặc biệt” (Specialized Naval Militia Detachments) được hình thành bởi cả các tiểu khu quân sự (military subdistrict) và hải quân, được huấn luyện nhằm hỗ trợ cụ thể cho các hoạt động tác chiến hải quân. Trong khi loại hình các đơn vị có thể khác nhau, phân đội dân quân hải quân đặc biệt này dường như bao gồm các chuyên gia kỹ thuật cùng với các cựu quân nhân hải quân, và được biên chế sử dụng các tàu đánh cá để thực hiện nhiệm vụ. Khác với các đơn vị dân quân biển khác vốn có thể thực hiện các nhiệm vụ trong thời bình nhằm hỗ trợ tham vọng chủ quyền, “phân đội dân quân hải quân đặc biệt” có quan hệ rất gần gũi với hải quân và có khả năng chỉ tập trung vào các kịch bản chiến tranh.

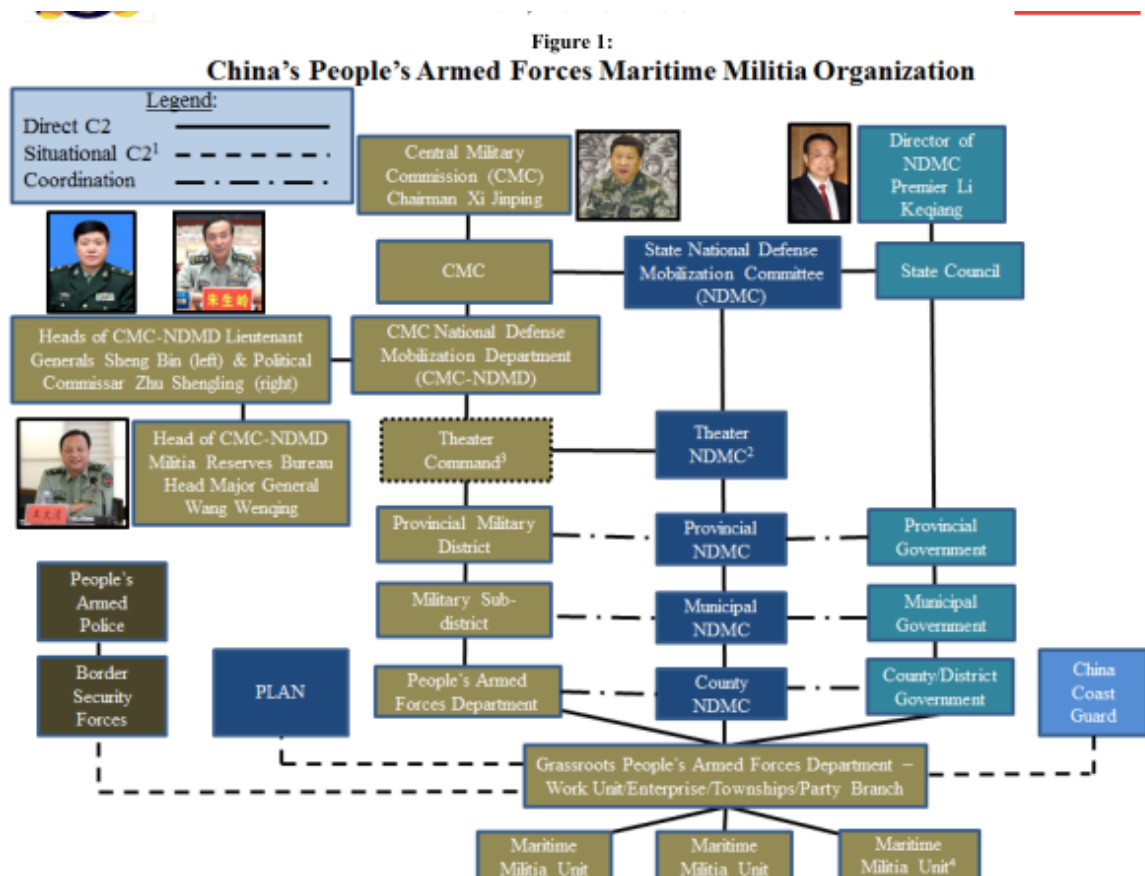
Các nhà lãnh đạo Trung Quốc nhìn thấy rất rõ ràng giá trị của trạng thái không rõ ràng của lực lượng dân quân biển. Một trong những động lực chính cho việc xây dựng dân quân là về mặt

kỹ thuật lực lượng này không phải là thành phần trực tiếp của PLA. Lý do này cũng được thể hiện trong quá trình thành lập lực lượng công an nhân dân năm 1982 như là một lực lượng đảm bảo an ninh nội địa thay thế PLA trong quá trình đàn áp phản kháng trong nước. Tính không rõ ràng của lực lượng dân quân biển tạo ra lợi thế rất lớn giúp cho nó hỗ trợ tốt hơn cho các tuyên bố chủ quyền hàng hải và lợi ích quốc gia Trung Quốc. Dân quân biển giúp Trung Quốc tạo ra một sự lựa chọn thay thế trong những hoàn cảnh mà nếu sử dụng hải quân có thể gây tổn hại uy tín cũng như gia tăng rủi ro khiến xung đột leo thang. Các ưu điểm nhận diện của lực lượng dân quân biển trong bối cảnh tiến hành “Tam chủng chiến pháp” cũng được một số học giả lưu ý.⁷ Các lực lượng dân quân biển có thể “tự coi mình là một lực lượng dân sự nhằm tạo ra nhận thức về bảo vệ chủ quyền hàng hải, quảng bá các tư tưởng về bảo vệ chủ quyền hàng hải, thể hiện quyết tâm và sự tự tin của quốc gia trong bảo vệ các lợi ích và chủ quyền hàng hải, tận dụng sự ủng hộ của công chúng, và chiếm được cảm tình của người dân.”⁸ Các thành viên dân quân biển ưa thích cuộc sống tự do dân sự mà họ không thể có được khi ở trong quân đội, đặc biệt trong việc bình luận chính sách, cho phép họ định hướng dư luận liên quan tới các vấn đề hàng hải. Sở hữu một “lực lượng thứ ba” trên biển vốn có khả năng ẩn mình và tham gia vào các hành động lén lút trong khi vẫn là đối tượng trực thuộc hệ thống chỉ huy, điều hành của PLA là động lực cơ bản để Trung Quốc giữ lại một lực lượng có khả năng hành xử thô lỗ và thiếu chuyên nghiệp trong một số trường hợp nhất định.

Lực lượng dân quân biển Trung Quốc đóng góp lớn vào kế hoạch tổng động viên quốc phòng nói chung của đất nước và chịu sự lãnh đạo kép của các cơ quan dân sự và quân sự ở địa phương. Vì vậy, đây là một bộ phận đặc biệt của lực lượng vũ trang Trung Quốc, vốn vừa tách rời và cũng vừa gắn liền với quân đội.

⁷ Jackson, Laura, “Revisions of Reality: The Three Warfares-China’s New Way of War”, *Transitions Forum*, 2016, <https://www.integrityinitiative.net/sites/default/files/articles/pdf/2016-07/china-three-warfares.pdf>. Truy cập tháng 1/2019.

⁸ Jackson, Laura, tldd.



Sơ đồ: tổ chức lực lượng dân quân biển Trung Quốc⁹

Cơ cấu chỉ huy của lực lượng dân quân biển phụ thuộc vào các điều kiện ảnh hưởng tới quá trình điều động ban đầu, cả trong thời bình và thời chiến. Nói chung, chuỗi chỉ huy trực thuộc các MD sẽ điều khiển lực lượng dân quân biển cho tới khi các hoạt động tác chiến được chuyển giao cho hải quân hay cảnh sát biển. Dân quân biển phục vụ cho hải quân trong cả thời bình và thời chiến. Các lực lượng chấp pháp biển khác cũng có thể huy động dân quân biển cho nhiệm vụ của họ, nhưng sẽ phải chi trả cho các chi phí như phí nhiên liệu và trợ cấp. Khi không có nhiệm vụ, các thành viên dân quân biển vẫn duy trì mối quan hệ cấp dưới với các đơn vị quản lý như là Cảnh sát biển Trung Quốc hay Biên phòng. Trong tất cả các trường hợp, lãnh đạo quân sự và dân sự thuộc các quân khu có thể đảm nhận chỉ huy lực lượng dân quân biển, một cách trực tiếp hoặc là ít nhất là với vai trò giám sát.

Ủy ban điều động quốc phòng (National Defense Mobilization Committess) tư vấn và phối hợp với các cơ quan lãnh đạo dân sự và quân sự ở các cấp khác nhau dưới một cơ chế ra quyết định thống nhất. Mỗi một cấp độ của NDMC làm việc để bảo đảm các tài nguyên quốc gia có thể phân phối và sử dụng một cách nhanh chóng trong trường hợp khẩn cấp hay khi có

⁹ Conor M. Kenedy, Andrew S. Erickson, "China's Third Sea Force, The People's Armed Forces Maritime Militia: Tethered to the PLA", *China Maritime Report*, No.1, 3/2017, China Maritime Studies Institute, US. Naval War College.

chiến tranh. Theo sau các cải cách quân sự gần đây thì không rõ liệu có còn tồn tại các NDMC ở cấp trung gian giữ cấp quân khu và cấp Quân uỷ TW hay không (cần phải theo dõi thêm). Biến đổi các đại quân khu thành các vùng chiến thuật có nghĩa là mong muốn bộ chỉ huy ở các vùng chiến thuật mới tập trung vào hiệp đồng tác chiến thay vì các chức năng quản lý hành chính chuẩn bị cho điều động quân lực.

Theo sau cải cách mới nhất, các Đại quân khu đã được giải phóng khỏi nghĩa vụ xây dựng lực lượng dự trữ cho các tỉnh. Các quân khu hiện tại nằm dưới quyền quản lý của NDMD trực thuộc Quân uỷ Trung ương. Một khi có chiến tranh, Tư lệnh các vùng chiến thuật mới sẽ giành quyền chỉ huy các lực lượng dân quân hoạt động trong phạm vi địa lý mà họ quản lý.

Không phải tất cả các hoạt động của dân quân biển đều được điều khiển trên thực tế bởi quân đội. Mỹ hay các nước khác lo ngại nhất là các lực lượng dân quân biển có liên hệ với quân đội Trung Quốc. Vì hệ thống chịu trách nhiệm kép, chính quyền địa phương thường tham gia chỉ huy dân quân biển khi lực lượng này được điều động. Tùy vào mỗi loại nhiệm vụ, chính quyền địa phương và các cơ quan chính phủ sẽ lãnh trách nhiệm đưa ra chỉ thị nhiệm vụ cho dân quân biển, đảm bảo “thống nhất trong chỉ huy” giữa các cơ quan chính phủ và quân sự địa phương.

Quan trọng là, sự tham gia một cách trực tiếp của các lực lượng dân quân biển tại các vụ va chạm trên vùng biển quốc tế có sự chỉ huy trực tiếp của hải quân, ít nhất trong vai trò giám sát. Thêm vào đó, một vài đặc điểm hoạt động của dân quân biển khi đó dường như đã được quân sự hoá và chuyên nghiệp hoá phần nào; một bộ phận chuyên nghiệp nhất trong số họ có thể được nhận các khoản chi phí hậu hĩnh vốn không tới từ các hoạt động đánh cá hay các hoạt động kinh tế khác. Xu hướng này khiến cho quá trình quản lý và huấn luyện dân quân biển trở nên dễ dàng hơn cho quân đội Trung Quốc. Một lực lượng dân quân biển mạnh hơn cũng sẽ là xu hướng do Lục quân bắt đầu giảm số lượng binh sỹ và các quân khu ưu tiên tuyển mộ những cựu quân nhân này. Các cấu trúc chỉ huy và kiểm soát tương tự không chỉ nổi bật ở Biển Đông mà còn ở Hoa Đông và Hoàng Hải.

Hoạt động của dân quân biển cũng có thể được tổ chức bởi các cơ quan khác ngoài quân đội, mặc dù với sự chấp thuận của quân đội, theo thể thức giám sát tùy theo cơ cấu đơn vị và trang thiết bị. Các nhiệm vụ này bao gồm các hoạt động đánh bắt cá thường kỳ, phòng tránh bão lụt thiên tai được tổ chức bởi chính quyền địa phương, các nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ lực lượng cảnh sát biển, xuất hiện tại các vùng nước tranh chấp, hay truy đuổi các tàu cá nước ngoài ra khỏi các vùng biển mà Trung Quốc tuyên bố chủ quyền. Các ví dụ liên quan tới các nhiệm vụ đặc biệt bao gồm: tháng 3 năm 2009, dân quân biển Tam Á tham gia quấy rối tàu USNS Impeccable; tháng 3 năm 2014, tham gia vào quá trình tìm kiếm máy bay MH-370 của Malaysia Airlines, trong giới hạn Biển Đông; tháng 4 năm 2013, dân quân biển Tam Á tham

gia bảo vệ các nhiệm vụ khảo sát của Tập đoàn Dầu khí ngoài khơi quốc gia (CNOOC) phía nam đảo Tri Tôn.

3. Năng lực của dân quân biển Trung Quốc

3.1. Dân quân biển Tam Á¹⁰

Thành phố Tam Á là một trong những trọng điểm hải quân, nghề cá và kinh tế mang tính chiến lược rất lớn của Trung Quốc ở Hải Nam. Nổi tiếng nhất trong số các nhóm dân quân biển tại Tam Á có thể kể tới Công ty Tam Á Phúc Cảng, một trong những công ty chuyên đánh bắt hải sản lớn có các thành viên chủ yếu là ngư dân tới từ Phúc Kiến. Tam Á Phúc Cảng nổi tiếng bởi mức độ dũng cảm theo truyền thống Trung Quốc khi công ty này dẫn đầu trong các hoạt động khai phá ngư trường ở Trường Sa cũng như tham gia vào các hoạt động sách nhiễu ngư dân của các quốc gia khác xung quanh Biển Đông. Là một trong những nhóm dân quân biển tiên phong nhất trong công cuộc bảo vệ chủ quyền quốc gia của Trung Quốc, Tam Á Phúc Cảng tham gia vào rất nhiều các nhiệm vụ khác nhau liên quan tới yếu tố nước ngoài, với mục tiêu bảo vệ quyền lợi và các tuyên bố chủ quyền của Bắc Kinh ở Biển Đông. Tam Á Phúc Cảng tham gia vào sự kiện USNS Impeccable năm 2009. Một trong những tàu cá Trung Quốc tham gia vào sự kiện này, mang số hiệu F8399, thuộc về Tam Á Phúc Cảng. Lâm Ngụy, chủ sở hữu của một trong những tàu cá lớn nhất công ty, được cho là đã chỉ huy tàu F8399 trong suốt sự kiện USNS. Sau sự kiện này Lâm và các thủy thủ của mình trở nên nổi tiếng ở Tam Á.

Tam Á Phúc Cảng đã có thể phát triển khả năng tiến hành tham dò và khai phá ngư trường ở Trường Sa (khoảng cách tầm 600 hải lý, khoảng 1.100 km). Con tàu đánh cá lớn nhất từng được đóng mang số hiệu F8168, lượng choán nước 3.000 tấn do chính Lâm Ngụy làm chủ sở hữu, và còn tàu này đã từng đóng vai trò chỉ huy cho các tàu cá khác ở Tam Á mỗi khi đánh bắt tại Trường Sa. Vào tháng 7 năm 2012, tàu F8168 đã chỉ huy một đội tàu gồm 29 chiếc với 316 ngư dân trong một chuyến đánh bắt dài 18 ngày tại Trường Sa với khoảng cách di chuyển tổng cộng 1.756 hải lý (3.252 km). Toàn bộ đội hình 29 tàu được chia làm hai nhóm, mỗi nhóm lại chia ra thành ba nhóm nhỏ hơn, hoạt động xung quanh đá Chữ Thập và đá Subi, và tránh bão tại đá Vành Khăn.

¹⁰ Andrew S. Erickson and Conor M. Kennedy, "China's Daring Vanguard: Introducing Sanya City's Maritime Militia," *Center for International Maritime Security* 5/11/2015.

3.2. Dân quân biển Đam Châu¹¹

Cảng cá Bạch Mã Tinh ở Đông Bắc Hải Nam là căn cứ của dân quân biển Đam Châu (Danzhou) thông qua công ty đánh bắt hải sản quốc doanh Hải Nam (tên đầy đủ là Tập đoàn Công nghiệp đánh cá tỉnh Hải Nam). Lực lượng dân quân biển có vai trò trong cả thời bình và thời chiến. Gần đây, nhiệm vụ của dân quân biển Trung Quốc trong thời bình là bảo vệ quyền lợi và lợi ích trên biển. Chiến thuật hay sử dụng trong thời bình là sử dụng tàu cá tràn ngập những vùng biển đang có tranh chấp và đẩy đuổi tàu của các quốc gia khác. Trong thời chiến, các tàu cá thuộc dân quân biển có thể được sử dụng thực hiện các nhiệm vụ hậu cần, hay thậm chí rải mìn dưới biển.

Trong những năm đầu sau khi CHND Trung Hoa được thành lập, lực lượng dân quân biển làm nhiệm vụ tuần tra gần bờ và chống sự xâm nhập của các điệp viên Quốc dân Đảng. Mặc dù chiến thuật tác chiến của lực lượng dân quân biển đã thay đổi, một số đặc điểm vẫn được giữ nguyên. Cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đều bao gồm nhiều đảo hay bãi cạn trải dài trên một vùng diện tích rộng lớn, trong đó có một số điểm do các quốc gia khác kiểm soát. Việc triển khai dân quân biển tại khu vực này có thể giúp giảm sức ép can thiệp từ phía Mỹ, đặc biệt nếu như cái giá phải trả cho việc can thiệp tác động quá lớn tới lợi ích của mối quan hệ Mỹ-Trung.

Cảng cá Bạch Mã Tinh trong vịnh Đam Châu giữ một vị trí quan trọng trong lịch sử Trung Quốc khi đây là khu vực đổ bộ đầu tiên trong chiến dịch đánh chiếm đảo Hải Nam của Giải phóng quân Trung Quốc vào năm 1950. Tại đây vào ngày 5 tháng 3, PLA tiến hành đợt đổ bộ đầu tiên trong một loạt các đợt đổ bộ nhằm kết nối với các nhóm kháng chiến địa phương với mục tiêu tràn ngập lãnh thổ, giành chiến thắng quyết định trước lực lượng Quốc Dân đảng vào tháng 5. Kết quả là Bạch Mã Tinh trở thành trụ sở của Công ty Thủy sản Hải Nam. Được thành lập tại Quảng Châu, công ty này trở thành một trong những công ty thủy sản lớn nhất khu vực phía nam Trung Quốc trước khi chuyển tới Bạch Mã Tinh vào năm 1958.

Trong Hải chiến Hoàng Sa 1974, hai tàu thuộc Công ty Thủy sản Hải Nam đã đóng vai trò hỗ trợ cho các tàu hải quân. Sự xuất hiện của lực lượng dân quân đã kích động lực lượng hải quân Việt Nam Cộng hòa (VNCH) khi đó và đã khiến cho lực lượng của VNCH trở nên bị động chiến thuật. Các chỉ huy hải quân VNCH khi đó đã suy nghĩ phải làm như thế nào để đối phó với các tàu dân quân không vũ trang mà không được sử dụng vũ lực, và điều này giúp cho hải quân Trung Quốc có thời gian tập hợp lực lượng. Lực lượng dân quân biển khi đó được giao nhiệm vụ theo dõi các tàu chiến của VNCH, giải cứu cũng như tiến hành sửa chữa các tàu quét mìn của hải quân Trung Quốc. Sau khi hải quân Trung Quốc đẩy bật được lực lượng VNCH, hai tàu dân quân biển đã tiến hành vận chuyển 500 lính – khoảng hai đại đội và

¹¹ Andrew S. Erickson & Conor M. Kennedy, "Trailblazers in Warfighting: the Maritime Militia of Danzhou", *Center for International Maritime Security* 1/2/2016.

một nhóm trinh sát đổ bộ từ địa khu quân sự Hải Nam – tới các điểm đảo mà VNCH đang nắm giữ. Các điểm đảo này nhanh chóng bị Trung Quốc chiếm giữ. Mặc dù không đông về mặt lực lượng, lực lượng dân quân biển đã đóng vai trò hết sức quan trọng trong khoảng thời gian hải quân Trung Quốc vẫn còn non kém về mặt năng lực.

Cấu trúc kinh tế và thể chế vốn là nền tảng cho sức mạnh của các tổ chức dân quân biển Trung Quốc chính là bộ đỡ hiệu quả cho dân quân biển Đạm Châu. Công ty Thủy sản Nam Trung Hoa, một công ty quốc doanh, và các tổ chức khác có liên quan, có tầm hiện diện rộng lớn không chỉ ở Bạch Mã Tinh mà còn trên khắp Hải Nam. Hoạt động tại Bạch Mã Tinh trong suốt năm thập niên dưới nhiều tên gọi khác nhau, Tập đoàn Công nghiệp đánh cá tỉnh Hải Nam hiện tại là một trong những công ty thủy sản lớn nhất Hải Nam. Website của công ty hiện nay tự hào nêu lên lịch sử tham gia vào hải chiến tại Hoàng Sa, và tuyên bố rằng công ty sẽ tiếp tục thực thi chính sách của quốc gia nhằm bảo vệ chủ quyền và tăng cường hiện diện tại Biển Đông thông qua phát triển cảng cá và điều phái các tàu làm nhiệm vụ hỗ trợ tới các ngư trường ở Trường Sa.¹²

Một báo cáo cho biết công ty có kế hoạch 20-30 đội tàu, mỗi đội tàu sẽ bao gồm một tàu chỉ huy và hậu cần lớn cộng với 30 tàu nhỏ khác. Cùng với chính quyền địa phương, công ty sẽ tập trung vào xây dựng các cơ sở hạ tầng cần thiết – các cảng nước sâu, cầu cảng, nhà máy nước đá, ... nhằm hỗ trợ các nhiệm vụ tại Trường Sa. Bạch Mã Tinh tại Đạm Châu cùng cảng cá Nhai Châu tại Tam Á được xếp vào loại các cảng cá cốt lõi.¹³ Các cảng cá ở Trung Quốc được phân chia thành bốn cấp độ dựa trên quy mô và năng lực; các cảng cá cốt lõi nhận được đầu tư và hướng dẫn từ trung ương. Dựa trên các hoạt động của Công Ty Phúc Cảng Tam Á, có thể cho rằng công ty đóng ở Đạm Châu có thể lãnh xướng vai trò dân quân biển trong tương lai.

3.3. Dân quân biển Đường Môn¹⁴

Một trong những lực lượng dân quân biển đáng chú ý nhất của Trung Quốc là lực lượng dân quân biển làng Đường Môn (Tanmen). Lực lượng dân quân biển tại đây được chú ý hơn kể từ khi Tập Cận Bình tới thăm làng Đường Môn vào tháng 4 năm 2013. Cho dù chỉ với quy mô tương đương một đại đội, dân quân biển Đường Môn đóng vai trò quan trọng vì được coi như là một tổ chức hình mẫu cho các lực lượng dân quân biển khác của Trung Quốc.

¹² Website của Tập đoàn Công nghiệp Đánh cá Hải Nam, http://nanhaifishery.com/AboutUs_development_Text.php#look. Truy cập 11/2/2019.

¹³ Công ty Thủy sản Nam Trung Hoa hình thành một “tàu sân bay” về mặt kinh tế [南海现代渔业打造海洋经济航母], http://nanhaifishery.com/AboutUs_development_Text.php#look. Truy cập 11/2/2019.

¹⁴ Andrew S. Erickson & Conor M. Kennedy, "Tanmen Militia: China's 'Maritime Rights Protection' Vanguard", *The National Interest* 6/5/2015.

Đường Môn có một vai trò quan trọng trong ngành công nghiệp du lịch và công nghiệp đánh bắt hải sản ở Hải Nam. Nằm gần cảng nước sâu, nơi đây là một trung tâm hậu cần và phân phối quan trọng khi nằm gần các ngư trường quan trọng tại Trường Sa, Hoàng Sa và bãi ngầm Macclesfield. Chính quyền Hải Nam trợ cấp cực kỳ mạnh mẽ để các ngư dân tại đây có thể đóng mới những chiếc tàu cá bằng vỏ thép, to lớn và mạnh mẽ hơn với khả năng bám biển và hoạt động dài ngày trên biển ngay cả trong trường hợp biến động. Mục đích của quá trình hiện đại hoá là nhằm thay thế đội tàu vỏ gỗ vốn nhiều năm qua đã làm cạn kiệt nguồn hải sản ven bờ, đồng thời tìm kiếm những ngư trường khác xa bờ hơn. Đi kèm với nhu cầu về thủy hải sản ngày càng gia tăng tại Trung Quốc, các lực lượng chấp pháp biển sẽ có khả năng mở rộng hơn nữa quyền tài phán của mình. Nhiều bài viết bàn về dân quân biển của Trung Quốc cho rằng lực lượng này cần thiết phải trang bị các tàu cá vỏ thép chất lượng cao.

Ngày 13 tháng 3 năm 2015, làng Đường Môn nhận được 17 trong tổng số 29 tàu cá vỏ thép có lượng dân nước 500 tấn, được trang bị các thiết bị hàng hải và liên lạc tiên tiến với tầm hoạt động lên tới 2.000 hải lý. Những tàu cá vỏ thép này có dự trữ hành trình có thể lên tới hàng tháng trên biển và có khả năng tương đương với lực lượng tàu tuần tra của các quốc gia khác. Đường Môn với chỉ khoảng 30.000 dân đã có tới 8.500 người và 300 tàu thuyền tham gia vào các dự án tại Trường Sa và Hoàng Sa. Chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển và hiện đại hoá của dân quân biển Đường Môn. Các chính sách được đưa ra nhằm phát triển tổng thể nghề cá, kinh tế biển và lực lượng dân quân chuyên trách (bao gồm xây dựng tổng hành dinh cho dân quân biển; đóng tàu; gia tăng năng lực huấn luyện...). Chính quyền trung ương đã trợ cấp khá lớn riêng trong lĩnh vực đóng tàu: trong tổng số khoảng 5 triệu NDT dùng để đóng một tàu vỏ thép 500 tấn, thì chính phủ trung ương đã trợ cấp 1,5 triệu NDT, còn chính quyền địa cấp thị trợ cấp 300.000 NDT.

Vào năm 2013, Đường Môn tổ chức 32 ngày huấn luyện chính quy và 18 ngày huấn luyện cường độ cao, với 9 cuộc diễn tập bắn đạn thật. Đại đội dân quân biển Đường Môn và các đơn vị dân quân biển khác trên toàn Trung Quốc được hỗ trợ và huấn luyện bởi hải quân, bởi hải cảnh và các lực lượng chấp pháp biển khác nhằm bảo vệ lợi ích biển của Trung Quốc. Dân quân biển Đường Môn còn được huấn luyện để thực hiện các nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn và nổi tiếng bởi đã giúp đỡ các tàu cá Trung Quốc tránh bão. Thành viên của lực lượng phản hồi các cuộc gọi khẩn cấp và phối hợp với đồn biên phòng Đường Môn, thiết lập nên đường dây giám sát khẩn cấp 24/7 kiểu 9-1-1. Khả năng phản ứng như trên đã được nâng cấp hơn nữa thông qua việc thiết lập hệ thống vệ tinh thông tin và định vị Bắc Đẩu trên tất cả các tàu đánh cá.

Dân quân biển Đường Môn tổ chức các đơn vị của mình dựa trên biên chế các tàu mà họ sử dụng, với ba tàu kết hợp thành một trung đội và chín tàu kết hợp thành một đại đội. Các thành viên của lực lượng dân quân biển Đường Môn có thể lên tới 108 người. Vai trò lãnh đạo của Đảng là hết sức quan trọng bởi lực lượng dân quân biển luôn luôn phải tiếp xúc với các mối

đe dọa có yếu tố nước ngoài và do đó có liên quan tới mối quan hệ đối ngoại của Trung Quốc. Tổ chức Đảng ở Đường Môn bao gồm 29 người, tất cả đều có liên quan tới nghề cá. Họ còn có nhiệm vụ chăm nom cho cộng đồng mỗi khi các ngư dân ra biển, và trông chừng các tàu cá khi chúng đỗ trong cảng.

Dân quân Đường Môn cũng nổi tiếng trong nỗ lực của Trung Quốc nhằm cải tạo và xây dựng các đảo nhân tạo ở Biển Đông. Kể từ những năm 1990, ngư dân Đường Môn đã vận chuyển tổng cộng 2.65 triệu tấn vật liệu xây dựng, bao gồm cả bê tông, sắt thép, gạch đá. Họ cũng thường xuyên vận chuyển hàng hoá hậu cần tiếp tế cho lực lượng quân đội Trung Quốc đồn trú trên các đảo ở Hoàng Sa. Các tàu đánh cá ít thu hút sự chú ý và do đó cho phép quá trình quân sự hoá Biển Đông diễn ra suôn sẻ hơn. Dân quân biển giúp Trung Quốc giữ vững trên thực tế các điểm đảo của mình ở Biển Đông cho tới khi Bắc Kinh thực sự có đủ sức triển khai một cách ồ ạt quá trình xây dựng và kiên cố hoá các điểm trú đóng ở Trường Sa trong năm 2013.

3.4. Dân quân biển Tam Sa¹⁵

Thành lập ngày 21 tháng 7 năm 2013, dân quân biển Tam Sa có năm nhiệm vụ căn bản: (1) thường xuyên tuyên bố bảo vệ chủ quyền; (2) tiến hành các nhiệm vụ tuần tra và trinh sát; (3) phối hợp với các lực lượng chấp pháp biển; (4) tham gia vào các nhiệm vụ cứu hộ cứu nạn; (5) hỗ trợ các nhiệm vụ chiến đấu khác. Họ cũng thường xuyên đẩy đuổi các tàu cá nước ngoài, bảo vệ các đảo và bãi cạn, hỗ trợ giảm thiểu thiên tai cho dân thường sống tại chỗ. Những nhiệm vụ trên cho thấy rõ vai trò của dân quân biển Trung Quốc đã thay đổi nhằm giúp nước này chiếm ưu thế hơn trên thực địa tại các khu vực tranh chấp.

Những phát triển mới về mặt tổ chức từ lực lượng dân quân biển Tam Sa cho thấy rõ xu hướng chuyên nghiệp hoá và quân sự hoá rõ ràng của các lực lượng dân quân biển tinh nhuệ ở Trung Quốc. Những yếu tố chỉ ra quá trình chuyên nghiệp hoá ngày càng gia tăng bao gồm việc thuê vào biên chế các cựu quân nhân đã từng phục vụ trong quân đội; tiêu chuẩn hoá và tăng cường các hoạt động huấn luyện; và trong một số trường hợp thì lực lượng dân quân biển tại Tam Sa hạn chế tham gia vào các hoạt động đánh bắt cá. Những yếu tố làm rõ quá trình quân sự hoá bao gồm khả năng trang bị vũ khí cá nhân nhanh chóng phù hợp với từng loại nhiệm vụ khác nhau; xây dựng thêm các căn cứ; quá trình triển khai phục vụ cho những mục đích phi thương mại; và sự ra mắt của các lớp tàu mới với vũ khí tốt hơn, vỏ tàu được gia cố tốt hơn với súng nước được trang bị. Điều đáng chú ý là lực lượng dân quân biển Tam Sa được thành lập mới hoàn toàn với các thành viên được đảm bảo nhận một mức lương rất hậu hĩnh – phần lương này hoàn toàn không liên quan tới các hoạt động đánh cá hay công nghiệp

¹⁵ Conor M. Kennedy & Andrew S. Erickson, "Riding a New Wave of Professionalization and Militarization: Sansha City's Maritime Militia", *Center for International Maritime Security* 1/9/2016.

hải sản mà các thành viên này có tham gia. Đây là một đặc điểm mà chúng ta không thấy ở các lực lượng dân quân khác.

Với các cơ sở hậu cần và bảo dưỡng, cũng như các khu nhà ở, đảo Phú Lâm đã biến đổi trở thành một trung tâm điều phối khu vực. Những cơ sở khác tại quần đảo Hoàng Sa cho phép dân quân biển Tam Sa có thể được triển khai theo dạng xoay vòng. Cấu trúc tổ chức của dân quân biển Tam Sa đang ngày càng theo kiểu quân sự hoá, được sắp xếp và vận hành theo một cấu trúc kết hợp gồm ba lớp bao gồm ba lực lượng chính, với dân quân biển là lực lượng tiên phong, hải cảnh ở hàng thứ hai và các lực lượng quân sự ở hàng thứ ba. Cuối cùng, dân quân biển Tam Sa được giao thêm nhiệm vụ ở Trường Sa bên cạnh khu vực hoạt động chính ở Hoàng Sa. Thêm vào đó, lực lượng Tam Sa có thể trở thành hình mẫu cho các lực lượng dân quân biển khác học tập.

Chính quyền Tam Sa và một đơn vị đồn trú cấp sư đoàn của quân đội Trung Quốc được thành lập vào ngày 24 tháng 7 năm 2012. Lực lượng dân quân có trước đó được tái cấu trúc lại thành dân quân biển Tam Sa, qua đó cường độ và mức độ huấn luyện được tăng cường. Các cộng đồng ngư dân vốn sống thường xuyên và không thường xuyên ở Hoàng Sa thường tới từ các khu vực khác nhau trải rộng khắp quần đảo, khiến cho tổ chức dân quân gặp khó khăn. Để duy trì lực lượng này, chính quyền Tam Sa đã trả thù lao cho các ngư dân cũng như cung cấp cho họ một số nhu yếu phẩm khác. Vào đầu năm 2016, chính quyền Tam Sa đã chi khoảng 1,5 triệu USD hằng năm nhằm khuyến khích ngư dân di chuyển tới những khu định cư mang tính lâu dài hơn trên quần đảo trong bối cảnh nguồn cá và cả thu nhập bị giảm sút. Chính phủ Trung Quốc trả thù lao cho người dân sống ở quần đảo tuỳ vào khu vực mà họ sinh sống. Ví dụ như mỗi người dân sinh sống tại nhóm Luối Liềm sẽ nhận được 6.79 USD một ngày, nếu như họ chịu hiện diện trên các đảo tổng cộng 180 ngày mỗi năm. Những ai sống trên đá Vành Khăn tổng cộng 150 ngày sẽ nhận được 12.07 USD mỗi ngày. Nhiều loại hỗ trợ từ chính phủ tạo điều kiện cho người dân bám biển và bám đảo dài ngày hơn và do đó tạo ra đủ nguồn nhân lực cần thiết cho lực lượng dân quân biển. Hiện tại ở Hoàng Sa có khoảng sáu đại đội dân quân biển với khoảng 1.800 người và 100 tàu cá. Ngư dân Tam Sa cũng tham gia vào vào các “nhóm phối hợp chấp pháp” bao gồm 30 thành viên và 5 tàu. Cho tới tháng 6 năm 2015, dân quân biển Tam Sa đã tiến hành tổng cộng 228 nhiệm vụ cung cấp thông tin, đẩy đuổi các tàu cá nước ngoài, ngăn cản người nước ngoài tiếp cận các đảo, thực hiện bảo vệ quyền và lợi ích của Trung Quốc trên biển.

Các lãnh đạo dân sự và quân sự Tam Sa đóng vai trò quan trọng trong các nhiệm vụ an ninh của Trung Quốc ở Biển Đông. Điển hình như trong vụ đàn khoan HD-981, các lãnh đạo dân sự và quân sự tại Tam Sa đã thiết lập một cơ sở chỉ huy và gửi một nhóm phối hợp chỉ huy tới tham gia vào sở chỉ huy tiền phương trên biển của lực lượng Hải cảnh nhằm phối hợp hoạt động của dân quân biển với các lực lượng khác. Trong sự kiện này, dân quân biển Tam Sa cũng tham gia bảo vệ các khu vực khác của Hoàng Sa nhằm ngăn chặn sự xâm nhập của các

tàu cá nước ngoài. Các thành viên dân quân biển sẽ tịch thu tất cả bộ đàm và ống nhòm của tàu cá nước ngoài. Cũng giống như các chiến dịch an ninh khác, Quân khu Quảng Châu (trước đây) sẽ ra chỉ thị điều động tới các bộ tư lệnh địa phương ở Hải Nam, sau đó các bộ tư lệnh địa phương sẽ điều động dân quân từ các địa điểm khác nhau.

Chính phủ Trung Quốc có kế hoạch thiết lập tại Tam Sa một đội tàu cá kiêm dân quân biển có khả năng hoạt động xa bờ dưới danh nghĩa chính phủ. Và theo đó Công ty Phát triển Ngư nghiệp thành phố Tam Sa được thành lập vào tháng 2 năm 2015. Công ty này sẽ tổ chức các đơn vị dân quân biển như sau: cả công ty được gọi là một chi đội, các công ty hay tổ chức thành viên sẽ được biên chế thành các đại đội, tổ sản xuất thì biên chế thành trung đội, mỗi tàu là một tiểu đội. Công ty cũng thành lập riêng cho mình một Ban Vũ trang Nhân dân riêng, chủ yếu lãnh nhiệm vụ kiểm soát và quản lý các tàu cá dân quân vô thép.

4. Các sự kiện có liên quan tới dân quân biển TQ

Như đã đề cập ở trên, mặc dù không phải tất cả các hoạt động của dân quân biển TQ đều được kiểm soát một cách trực tiếp bởi PLA, lực lượng này vẫn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Mỹ cũng như các nước thành viên và đối tác. Hệ thống trách nhiệm kép cho phép chính quyền địa phương lãnh đạo các lực lượng dân quân biển, đảm bảo tính chất “lãnh đạo thống nhất” giữa các tổ chức quân sự và chính quyền địa phương.¹⁶

Cục Nam Hải thuộc Hải Giám Trung Quốc cho biết cục này đã bắt đầu tiến hành các hành động tuần tra “bảo vệ quyền lợi” từ năm 2008, với 14 cuộc tuần tra, con số này tăng lên 28 vào năm 2009, 36 vào năm 2010, 48 vào năm 2011 và 58 vào năm 2012.¹⁷ Trong năm 2012, Trung Quốc luôn luôn triển khai 6 tàu hoạt động trên Biển Đông trong cùng một thời điểm. Trong cùng khoảng thời gian đó, các đơn vị thuộc lực lượng Kiểm Ngư Trung Quốc tại Biển Đông bắt đầu hộ tống các tàu đánh cá của nước này tại các khu vực biển tranh chấp.

Theo *The Strait Times* của Malaysia, vào cuối tháng 3 năm 2016, khoảng 100 tàu cá Trung Quốc đã xâm nhập vào vùng biển của Malaysia gần Beting Patinggi Ali. Sau đó, chính phủ Malaysia đã phải cử ba tàu thuộc Cơ quan Chấp pháp biển Malaysia (MMEA), các tàu của hải quân cùng máy bay tuần thám Bombardier để theo dõi nhóm tàu cá Trung Quốc.¹⁸

Dân quân biển Trung Quốc xuất hiện trong các tranh chấp lãnh hải dưới sự giám sát trực tiếp của PLA, hay cao hơn nữa là do PLA chỉ huy trực tiếp. Tính chuyên nghiệp của lực lượng này

¹⁶ Conor M. Kenedy, Andrew S. Erickson, *tlđđ*.

¹⁷ “央视首次曝光中国海监船南海撞击越南船只画面” (CCTV Reveals Pictures for the First Time of a China Marine Surveillance Vessel Striking Vietnamese Ships in the South China Sea), *NetEase* 4/1/2014.

¹⁸ “Malaysia Monitoring 100 Chinese fishing boats encroaching into Malaysian waters in the South China Sea”, *The Strait Time* 25/3/2016.

thể hiện qua việc họ được trả một mức lương hấp dẫn mà không cần phải tham gia vào các hoạt động kinh tế khác. Xu hướng này khiến cho việc quản lý và huấn luyện dân quân biển trở nên dễ dàng và nhanh chóng hơn. Số lượng nhân lực của lực lượng dân quân biển có thể tiếp tục được gia tăng do các cựu binh có khả năng sẽ tiếp tục được các MDs tuyển dụng. Ví dụ trên thường được thấy ở các khu vực tiếp giáp với Biển Đông Việt Nam, tuy nhiên các cơ chế tương tự cũng có khả năng được tìm thấy tại các khu vực liền kề biển Hoa Đông hay Hoàng Hải.

Một số cơ quan không thuộc PLA cũng lãnh trách nhiệm giám sát các đơn vị dân quân biển, dĩ nhiên với sự chấp thuận của PLA. Các nhiệm vụ cơ bản trong thời bình bao gồm đánh cá, đối phó với thảm họa được tổ chức bởi chính quyền địa phương, các nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn tới hỗ trợ Cảnh sát biển Trung Quốc, các nhiệm vụ hiện diện tại các vùng nước tranh chấp, và trục xuất tàu cá nước ngoài từ các vùng nước thuộc chủ quyền của Trung Quốc.

Một số vụ việc chính yếu từ 2010 tới nay:

Dân quân biển Trung Quốc, cùng với lực lượng Cảnh sát biển Trung Quốc (CCG), là các thành phần chủ đạo trong chiến lược tiệm tiến cưỡng bức của Trung Quốc. Hệ thống bán vũ trang này đã trở thành công cụ chính giúp Trung Quốc gây ảnh hưởng của nó đối với vùng biển đang tranh chấp và một phần của chiến lược vùng màu xám tổng thể đã được sử dụng kể từ khi tranh chấp trở nên nổi bật. Các nghiên cứu điển hình của Biển Đông cũng đáng chú ý vì sự tương tác độc đáo giữa các bên khác nhau: tính cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc, một cường quốc đang nổi lên, và Hoa Kỳ, một sức mạnh đã được thiết lập; cuộc đấu tranh bất cân xứng cho chủ quyền giữa các quốc gia nhỏ hơn trong khu vực với Trung Quốc; và sự gia tăng của một số cường quốc trung hạn như Nhật Bản, Ấn Độ hoặc Úc. Loạt ví dụ này được tổng hợp từ báo cáo của CSIS tựa đề *"Chống lại các hành động cưỡng bức tại khu vực hàng hải Đông Á"*¹⁹ cùng với một số ý kiến nhận xét cá nhân dựa trên phân lý thuyết đã nêu.

Sẽ không toàn diện khi xem xét việc triển khai lực lượng dân quân biển như một yếu tố duy nhất trong chiến lược toàn bộ khu vực vùng xám. "Chiến lược cải bắp" đóng vai trò là một bộ phận của tiệm tiến cưỡng bức, trong đó dân quân biển, CCG và hải quân là ba yếu tố không thể thiếu. Những ví dụ dưới đây cho thấy rõ mối quan hệ về mặt triển khai lực lượng và phối hợp hoạt động giữa các yếu tố quan trọng của chiến lược vùng xám của Trung Quốc: giữa một bên là CCG và một bên là lực lượng dân quân biển Trung Quốc. Tất cả những trường hợp này được trình bày dưới dạng chuỗi sự kiện, làm rõ phần nào bối cảnh và vai trò của dân quân biển trong tổng thể quá trình triển khai tiệm tiến cưỡng bức của Trung Quốc. Điểm quan

¹⁹ Michael J. Green, Kathleen H. Hicks, John Schaus, Jake Douglas, and Zack Coouer, *tlđđ*, xem chú thích 4.

trọng của việc nêu lên các trường hợp này là sự hiện diện của dân quân biển Trung Quốc như một cấu thành quan trọng trong chiến lược của Bắc Kinh ở Biển Đông.

Trường hợp 1: Sự quấy rối USNS Impeccable năm 2009

Sự cố xảy ra vào tháng 3 năm 2009. Các tàu Trung Quốc đã quấy nhiễu hai tàu tuần dương của Hải quân Hoa Kỳ hoạt động trong vùng EEZ của Trung Quốc. Năm tàu hải quân và tàu cá Trung Quốc (khả năng cao là tàu do dân quân biển điều khiển) bao vây tàu Impeccable trong lúc nó đang hoạt động trên vùng biển quốc tế phía Nam của tỉnh Hải Nam. Impeccable buộc phải tìm cách né tránh khi các tàu cá dân sự của Trung Quốc cố gắng tác động vào thiết bị thủy âm (sonar), thả các chương ngại vật trên đường đi và chặn ngay trước mũi tàu, trước sự chứng kiến nhưng không can thiệp của các tàu hải quân Trung Quốc. Sau đó Impeccable được phép rời khỏi khu vực. Bắc Kinh đã quyết định không leo thang thêm nữa khi một tàu khu trục của Hải quân Hoa Kỳ hộ tống tàu Impeccable trở lại khu vực để tiếp tục sứ mệnh của nó. Các phương tiện truyền thông nhà nước Trung Quốc đã kêu gọi chấm dứt xung đột. Một chi tiết đáng chú ý là sự phối hợp chặt chẽ giữa các tàu của chính phủ Trung Quốc và dân sự được hỗ trợ bởi hệ thống định vị vệ tinh Bắc Đẩu (Beidou).²⁰

Trường hợp 2: Bãi cạn Scarborough Shoal năm 2012

Ngày 10 tháng 4, một tàu chiến Philippines đã đánh chặn một số ngư dân Trung Quốc tại vùng biển xung quanh bãi cạn Scarborough. Bất kỳ nỗ lực ban đầu nào để xuống thang xung đột đã không thành công khi Manila đe dọa tìm kiếm trọng tài quốc tế hay giúp đỡ từ ASEAN và Hoa Kỳ. Đáp lại, Trung Quốc dần dần leo thang bằng cách gửi lại lực lượng cảnh sát biển hay các tàu đánh cá dân sự quấy nhiễu các tàu của Philippines. Vào ngày 30 tháng 4, Washington lên tiếng ủng hộ cho đồng minh hiệp ước nhưng đã chọn không can thiệp trực tiếp. Đối mặt với áp lực to lớn, Tổng thống Philippines tham gia vào cuộc đàm phán với Bắc Kinh. Mặc dù nhận được sự hỗ trợ lớn từ Washington, Trung Quốc với lực lượng đông hơn đã đuổi các tàu cá của Philippines ra khỏi khu vực xung quanh bãi cạn và dần dần tiến hành kiểm soát trên thực tế bãi cạn này.

Khả năng gia tăng của Trung Quốc, khi so sánh với các sự kiện trong quá khứ, đã làm cho người Trung Quốc tự tin và quyết đoán hơn. Mỹ và Trung Quốc trong giai đoạn này cũng đang đối đầu nhau về mặt chiến lược. Tuy nhiên, quyết định của Manila gửi tàu chiến lớn nhất của mình để bắt giữ các ngư dân Trung Quốc khiến sự việc vượt ra ngoài tầm kiểm soát

²⁰ Ryan D. Martinson (2015) "From Words to Actions: The Creation of the China Coast Guard" in "Maritime Power" Conference, 28-29/7/2015, Virginia. https://www.cna.org/cna_files/pdf/creation-china-coast-guard.pdf. Truy cập 12/2/2019.

của Philippines. Rõ ràng là khó khăn cho một quốc gia yếu hơn như Philippines để có thể giải quyết có hiệu quả tình huống này nếu không có sự hỗ trợ của bên thứ ba. Bắc Kinh và Manila cũng bỏ lỡ nhiều cơ hội để nhanh chóng giải quyết cuộc khủng hoảng, và phản ứng của Manila đối với các hành động của Trung Quốc được coi là không khôn ngoan.²¹

Sự cố này cũng chứng minh rằng nếu không có đủ năng lực nhận thức về biển, một quốc gia không thể giải quyết xung đột trên biển hiệu quả, đặc biệt là trong một cuộc xung đột với một cường quốc lớn hơn. Khả năng nghèo nàn đã cản trở quá trình ra quyết định tại Manila như thể hiện qua sự nhầm lẫn về tình hình trên biển và Washington cũng do dự để can thiệp một phần do thất vọng với khả năng quản lý khủng hoảng ở Manila. Do đó, lực lượng cảnh sát biển và dân quân biển đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực nhận thức hàng hải và là một lực lượng hữu ích trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích trên biển của Trung Quốc và Trung Quốc đã sử dụng những lực lượng này một cách hiệu quả.

Trường hợp 3: Sự kiện Bãi Cỏ Mây lần thứ hai năm 2014

Sự hiện diện của các ngư dân Trung Quốc và các cơ quan thực thi pháp luật biển trong khu vực không phải là điều mới mẻ khi các ngư dân Trung Quốc đã hoạt động tại Trường Sa kể từ năm 1985 và Trung Quốc đã triển khai các đội tàu đánh cá tới cả Trường Sa và Hoàng Sa từ năm 2009.²² Bắt đầu từ tháng 5 năm 2013, các tàu tuần tra của Trung Quốc đã tăng cường hiện diện liên tục gần tiền đồn của Philippines tại Bãi Cỏ Mây (Second Thomas Shoal) ở quần đảo Trường Sa. Bắc Kinh đã buộc tội Manila tìm cách xây dựng "những cấu trúc mới" trên tàu BRP Sierra Madre – con tàu này mắc cạn ở Bãi Cỏ Mây năm 1999 và Philippines đã sử dụng nó như một tiền đồn và đóng quân ở đây. Vào ngày 9 tháng 4 năm 2014, hai tàu bảo vệ bờ biển của Trung Quốc quấy nhiễu các tàu Philippines có khả năng vận chuyển vật liệu xây dựng đến Bãi Cỏ Mây. Theo Tân Hoa Xã, các hành động của CCG không chỉ dừng lại ở việc chỉ sử dụng loa phóng thanh mà còn tiến hành "trục xuất" hoặc "đuổi đi" các tàu của Philippines.²³ Bộ trưởng Ngoại giao Philippines tại thời điểm đó là Albert del Rosario đã chỉ trích hành vi của Trung Quốc trong cuộc họp Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN ở Brunei vào ngày 29 tháng 6, lên án "sự hiện diện mạnh mẽ của các tàu quân sự và dân sự Trung Quốc" tại Scarborough và Bãi Cỏ Mây, coi đó là "những mối đe dọa đối với những nỗ lực duy trì hoà bình và ổn định hàng hải trong khu vực". Ông cũng cáo buộc Trung Quốc vi phạm Tuyên bố năm 2002 về Cách ứng xử của các Bên và quân sự hóa tranh chấp Biển Đông.

Điều đáng lưu ý là trong các trường hợp này tàu CCG là công cụ chính của Trung Quốc để sử dụng quyền lực và kiểm soát khu vực xung quanh Bãi Cỏ Mây cho đến gần đây, thể hiện qua

²¹ Michael J. Green, Kathleen H. Hicks, John Schaus, Jake Douglas, and Zack Coor, *tlđđ*, xem chú thích 4.

²² Ryan D. Martinson, *tlđđ*, xem chú thích 20.

²³ Michael J. Green, Kathleen H. Hicks, John Schaus, Jake Douglas, and Zack Coor (2017) "Counter-Coercion Series: Second Thomas Shoal", <https://amti.csis.org/counter-co-2nd-thomas-shoal/>. Truy cập 12/2/2019.

sự hiện diện liên tục của chúng đã được ghi nhận trong nhiều báo cáo khác nhau. Từ năm 2013, Trung Quốc đã duy trì bảo vệ bờ biển và các tàu khác ở gần rạn san hô và đã nhiều lần ngăn cản các tàu cung cấp của Philippines. Tháng 3 năm 2014, tàu Trung Quốc đã hai lần tiến hành hoạt động quấy rối nhưng không sử dụng vũ lực bằng cách sử dụng các chiến thuật như đâm hoặc sử dụng vòi rồng. Thông qua sự cố này, người ta nhận thấy rằng Trung Quốc đã chứng minh được khả năng bảo vệ các lợi ích của mình, mặc dù chưa thực sự hoàn hảo, ở các khu vực biển tranh chấp. Các tàu tuần dương có thể tiếp cận vùng biển mục tiêu nhanh chóng, và tình báo Trung Quốc rõ ràng đã nắm rõ các hành động của Philippines trong sứ mệnh này. Với việc hoàn thành các cơ sở lưỡng dụng lớn ở Trường Sa, lợi thế bất đối xứng của Trung Quốc so với các nước yêu sách khác sẽ tăng lên.²⁴

Trường hợp 4: Sự kiện dàn khoan HYSY 981 năm 2014

Vào tháng 5 năm 2014, Trung Quốc đã triển khai giàn khoan HD-981 (HYSY 981) tới địa điểm cách đảo Tri Tôn 15 hải lý và nằm trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Ban đầu, đi kèm với HD-981 là ba tàu dịch vụ dầu khí của Trung Quốc. Khi phát hiện giàn khoan dầu, Lực lượng Cảnh sát biển và Kiểm Ngư Việt Nam đã được triển khai, thực hiện "nghĩa vụ thực thi pháp luật" và trợ giúp ngư dân Việt Nam trong khu vực. Số lượng tàu hộ tống giàn khoan của Trung Quốc cũng tăng lên 40 tàu, bao gồm tàu tuần tra, tàu chở dầu, CMS và FLEC, tàu vận tải, tàu đánh cá và tàu chiến. Đối với lực lượng Việt Nam, mục tiêu là ngăn chặn HD-981 "thiết lập một vị trí cố định", tuy nhiên chính quyền Trung Quốc nhanh chóng sắp xếp lực lượng của họ trong các vòng bảo vệ. Mặc dù hai nước đã cố gắng liên lạc qua các kênh khác nhau nhằm ngăn chặn cuộc xung đột, vào ngày 7 tháng 5, Việt Nam báo cáo rằng số lượng tàu hộ tống Trung Quốc đã tăng lên ít nhất là 60, bao gồm 33 tàu tuần tra bờ biển và 7 tàu chiến. Trung tâm Chỉ huy Cảnh sát biển Trung Quốc được thành lập vào năm 2014 đóng vai trò trung tâm trong việc điều phối hành động, đưa ra mệnh lệnh trực tiếp cho không chỉ các tàu chấp pháp biển mà còn cho các tàu cá của Trung Quốc hoạt động xung quanh khu vực.

Khoảng giữa tháng 5, Việt Nam tuyên bố hàng trăm tàu đánh cá của Trung Quốc đã tiếp cận khu vực của giàn khoan. Những tàu này vây quanh tạo một vòng tròn với bán kính 7 hải lý để bảo vệ HD-981. Các tàu cảnh sát biển Trung Quốc tiếp tục sử dụng chiến thuật đâm va, vòi rồng, sử dụng chiến thuật áp đảo số lượng để chống lại các lực lượng của Việt Nam. Hà Nội cũng báo cáo rằng số lượng tàu của chính phủ Trung Quốc đã tăng lên 136 chiếc. Chiến thuật được triển khai bởi các lực lượng chấp pháp biển Trung Quốc là nhất quán và phản ánh tầm quan trọng ngày càng tăng của CCG, dẫn đến khái niệm "chiến lược cải bắp". Lần đầu tiên tàu Trung Quốc triển khai trên biển ba hoặc nhiều vòng tròn đồng tâm. Vòng tròn trong cùng,

²⁴ Michael J. Green, Kathleen H. Hicks, John Schaus, Jake Douglas, and Zack Cooper, *tlđđ*, xem chú thích 4.

trung tâm của chiến thuật này là hai tàu khu trục của hải quân có vị trí gần nhất với HD-981. Vòng ngoài cùng được tạo thành từ hàng chục tàu của các lực lượng như CMS, FLEC và CCG. Đối với Việt Nam, tàu tuần tra và tàu cá của họ đã được triển khai theo hình nan quạt với năm nhóm triển khai xung quanh giàn khoan". Các nhóm hoạt động cách nhau nửa hải lý, cho phép họ bao trùm một khu vực rộng lớn trong khi vẫn giữ được khả năng phản ứng nhanh chóng.²⁵

Điểm nóng HD-981 giảm nhiệt vào khoảng giữa tháng 7 khi Tổng công ty Dầu khí Quốc gia Trung Quốc thông báo rằng các hoạt động thăm dò của HD-981 đã hoàn thành. Giàn khoan này đã trở lại khu vực nhiều lần sau đó nhưng vẫn neo ở phía Trung Quốc của đường trung tuyến. Trong trường hợp này, cả Trung Quốc và Việt Nam đều sẵn sàng chấp nhận rủi ro. Mặc dù các nhà lãnh đạo Trung Quốc phải ngạc nhiên trước sự phản ứng dữ dội từ phía Việt Nam, nhưng họ vẫn đã chuẩn bị để gửi và duy trì trên biển một đội tàu dân sự và chính phủ lớn. Một lần nữa, việc sử dụng các vòng tròn đồng tâm của Trung Quốc để bảo vệ giàn khoan là một ví dụ cổ điển về cách tiếp cận chung của Trung Quốc đối với các sự cố hàng hải. Khái niệm về *chiến lược cái bẫy* này đảm bảo rằng Trung Quốc có thể giảm khả năng xung đột trong khi cố gắng đạt được các mục tiêu và ngăn chặn sự leo thang.

5. Hệ quả pháp lý²⁶

Có thể coi việc sử dụng lực lượng dân quân trên biển như là một thách thức pháp lý mới đối với các chuyên gia công pháp quốc tế. Sự xuất hiện của dân quân biển như là một lực lượng vũ trang bán chính thức mang lại nhiều hàm ý về tính chất pháp lý của lực lượng này trong cả thời bình và thời chiến. Và để hiểu hơn về các hàm ý mang tính luật pháp quốc tế của dân quân biển Trung Quốc thì cần phải làm rõ một số thuật ngữ căn bản có liên quan.

Thứ nhất là thuật ngữ “trách nhiệm quốc gia” (responsibility of a state): khái niệm này trong công pháp quốc tế không được quy định cụ thể trong một công ước hay văn bản nào cụ thể, mà được hiểu như là một dạng tập quán pháp. Khái niệm này thay vào đó được phản ánh thông qua một số phán quyết của Tòa án Công lý Quốc tế (ICJ) và trong một số văn bản pháp luật khác như *Hệ thống các văn bản có liên quan tới trách nhiệm của quốc gia về các hành động sai trái mang tính quốc tế* (Văn bản ROSFIWA) hay trong văn bản bình luận của Ủy ban Luật pháp quốc tế của LHQ (Bình luận ROSFIWA). Câu hỏi đặt ra: Nếu như mỗi quốc gia đều phải chịu trách nhiệm cho các hành động vi phạm luật của mình ở cấp độ quốc tế, thì phải định nghĩa như thế nào là hành động vi phạm? Sẽ có hai thành tố xét theo Văn bản ROSFIWA để xác định một hành vi/hành động của một quốc gia là sai trái: (1) hành vi đó gắn

²⁵ Michael J. Green, Kathleen H. Hicks, John Schaus, Jake Douglas, and Zack Coorer, *tlđđ*.

²⁶ Jonathan G. Odom (2018), “Guerrillas in the Sea Mist: China’s Maritime Militia and International Law”, *Asia-Pacific Journal of Ocean Law and Policy*, Volume 3(1): 31-94.

với một quốc gia chiếu theo luật pháp quốc tế và (2) hành vi đó vi phạm nghĩa vụ quốc tế mà quốc gia đó đã ký kết/chấp thuận.

Vậy khi nào một hành vi được xác định là do một quốc gia thực hiện? Bình luận ROSFIWA nêu rõ quốc gia là “một thực thể có tổ chức, một cá nhân mang tính pháp lý có đủ quyền hạn theo luật quốc tế”. Tuy nhiên trên thực tế “quốc gia” chỉ là một khái niệm mang tính trừu tượng và không thể tự mình thực hiện hành vi. Vì thế, một câu hỏi khác xuất hiện: những đối tượng nào có khả năng đại diện hành vi cho một quốc gia? Các chủ thể có thể được coi là thực hiện những hành vi đại diện cho quốc gia theo công pháp quốc tế bao gồm những thành viên thuộc các nhánh hành pháp, tư pháp, hay lập pháp của quốc gia, thành viên của các lực lượng vũ trang của quốc gia đó... Những cá nhân đơn lẻ, mặc dù là công dân của một quốc gia nào đó, thực hiện những hành vi mang tính thuần túy cá nhân thì sẽ không được cho là đại diện cho quốc gia. Ở vị trí giữa hai thái cực trên là một “vùng xám” trong công pháp quốc tế khiến cho việc xác định được một chủ thể cụ thể nào đó có đại diện cho quốc gia hay không trở nên khó khăn.

Có một số điểm cần lưu ý về mặt hành vi để có thể phân tích rõ hơn lực lượng dân quân biển Trung Quốc dựa trên công pháp quốc tế: (1) các hành vi được thực hiện thông qua các tổ chức mang tính nhà nước; (2) thông qua các cá nhân có thẩm quyền; (3) thông qua hướng dẫn hay có sự kiểm soát từ phía nhà nước; và (4) những hành vi đó được thực hiện với sự chấp thuận từ nhà nước.

Trong trường hợp (1) liệu có thể xem dân quân biển Trung Quốc như là một “cơ quan” trực thuộc nước CHND Trung Hoa hay không? Bình luận ROSFIWA cho rằng các cơ quan thuộc nhà nước bao gồm tất cả các cá nhân và tổ chức tại tất cả các cấp chính quyền, từ trung ương cho tới tỉnh cho tới tận cơ sở. Xét trường hợp dân quân biển Trung Quốc, kết quả dường như không rõ ràng. Một mặt có thể coi dân quân biển Trung Quốc không phải là một cơ quan trực thuộc nhà nước, theo nghĩa là do lực lượng này không chính thức được thành lập bởi chính phủ. Thay vào đó thì lực lượng này được tạo ra thông qua các công ty ngư nghiệp. Thêm vào đó, nhiệm vụ của từng cá nhân dân quân biển về bản chất là một dạng công việc bán thời gian, có nghĩa là trong phần lớn thời gian thì dân quân không mặc thường phục và tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh tế. Mặt khác, có một số luận điểm cho rằng dân quân biển là một cơ quan nhà nước. Thứ nhất, trong hiến pháp Trung Quốc, một số bộ luật và sách trắng quốc phòng đều khẳng định sự tồn tại của dân quân như là một phần của hệ thống nhà nước. Thứ hai, những công ty ngư nghiệp đã đề cập ở trên lại là các công ty nhà nước.

Trong trường hợp số (2), giả định rằng dân quân biển không phải là một cơ quan nhà nước, thì lực lượng này có được trao quyền hành động dựa trên luật pháp Trung Quốc hay không. Theo Jonathan G. Odom thì dân quân biển Trung Quốc về mặt pháp lý có thể rơi vào trường hợp này nhiều hơn trường hợp đầu tiên. Erikson và Kennedy đã nêu ra ít nhất hai bộ luật nội

địa của Trung Quốc có liên quan tới lực lượng dân quân biển. Thứ nhất là Luật nghĩa vụ quân sự, vốn nêu ra một cách căn bản các nhiệm vụ của lực lượng dân quân nói chung. Thứ hai là Luật phản ứng nhanh năm 2007, yêu cầu thành viên của các lực lượng dân quân tham gia vào công tác giảm nhẹ và phòng chống thiên tai. Tuy nhiên cần phải lưu ý rằng cho tới hiện tại chưa có thông tin về bất cứ một bộ luật nào khác đề cập tới những nhiệm vụ cụ thể của dân quân biển ngoài phòng chống thiên tai.

Trong trường hợp (3), giả định tiếp rằng dân quân biển không phải là cơ quan nhà nước, cũng không được chính thức “trao quyền” thông qua các bộ luật cụ thể. Câu hỏi đặt ra là liệu lực lượng này có hoạt động dựa trên chỉ dẫn và kiểm soát từ chính phủ? Trường hợp này về bản chất ít mang tính chính danh hơn hai trường hợp đầu tiên và phần lớn dựa vào thực tế. Cần phải chứng minh được mối quan hệ trên thực tế thể hiện sự liên kết thực sự giữa các cá nhân hay một nhóm nào đó với bộ máy nhà nước. Jonathan G. Odom cho rằng trường hợp 3 này biểu hiện một cách rõ ràng nhất về tính chất pháp lý của lực lượng dân quân biển Trung Quốc. Diễn giải ROSFIWA cho rằng trên thực tế một số cơ quan nhà nước “nhiều khi tăng cường các hoạt động của họ bằng cách tuyển mộ hay thúc đẩy các cá nhân hay nhóm hành xử tương ứng nhưng vẫn duy trì vị trí bên ngoài bộ máy nhà nước”. Có rất nhiều bằng chứng ủng hộ cho lập luận này:

- Chính quyền Trung Quốc và quân đội Trung Quốc thể hiện quyền lực của mình đối với lực lượng dân quân biển thông qua “cơ chế kiểm soát song hành dân sự-quân sự.
- Chính phủ Trung Quốc hướng dẫn trực tiếp lực lượng dân quân biển thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể, tiêu biểu qua sự kiện Impeccable năm 2009 hay sự kiện tại bãi cạn Scarborough.
- Chính phủ Trung Quốc cung cấp quỹ hoạt động và các trợ cấp khác cho lực lượng dân quân biển, chính quyền địa phương cũng có những hành động tương tự.
- Chính phủ Trung Quốc cung cấp phương tiện cũng như hậu cần cho lực lượng dân quân biển nhằm thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể.
- Chính phủ Trung Quốc huấn luyện nhân lực cho lực lượng dân quân biển.
- Bên cạnh huấn luyện nhân lực cho dân quân biển, quân đội Trung Quốc tham gia vào các hoạt động huấn luyện thực địa khác của lực lượng dân quân.
- Chính phủ Trung Quốc đều trả thù lao cho các cá nhân là thành viên của dân quân biển.
- Chính phủ Trung Quốc công nhận và vinh danh các cá nhân dân quân biển xuất sắc trong quá trình làm nhiệm vụ.
- Giới lãnh đạo quân đội có một mức độ quyền hạn nhất định về mặt pháp lý đối với những cá nhân tham gia vào lực lượng dân quân biển. Ví dụ, nếu như một thành viên nào đó rời bỏ trách nhiệm mà không được sự cho phép, thì thành viên này sẽ bị trừng phạt theo Luật Nghĩa vụ quân sự.

Luật biển quốc tế (UNCLOS) là một trong những bộ luật có khả năng giải thích hành vi của Lực lượng dân quân biển Trung Quốc. Có một số yếu tố quan trọng cần được nêu lên: nghĩa vụ của quốc gia trong tương quan với quyền lợi của quốc gia đó, tự do và việc sử dụng mặt biển, nguyên tắc mà qua đó các loại tàu thuyền có thể đi lại an toàn trên biển, và nghĩa vụ của quốc gia đảm bảo các tàu của họ tuân thủ các chuẩn mực hàng hải quốc tế.

Một cơ chế thứ hai trong công pháp quốc tế có thể được dùng để giải thích hành vi của Lực lượng dân quân biển là xem xét việc sử dụng vũ lực. Tập quán pháp xác nhận rằng chiến tranh xảy ra giữa hai quốc gia khi: (1) một quốc gia tuyên chiến với quốc gia còn lại và (2) một quốc gia thực hiện “các hành động khơi mào cuộc chiến” chống lại một quốc gia khác. Sau khi Hiến chương LHQ được thông qua, vấn đề pháp lý này được chuyển trọng tâm sang việc một quốc gia có hành vi “sử dụng vũ lực” hay không. Định nghĩa thế nào là “sử dụng vũ lực” được xác định trong Hiến chương là các hành động có liên quan tới lực lượng vũ trang. Định nghĩa thế nào là “tấn công vũ trang”(armed attack) không rõ ràng ngay cả nếu chiếu theo Hiến chương LHQ, khi Hiến chương chỉ đề cập rằng “tấn công vũ trang” có khái niệm hẹp hơn là đe dọa sử dụng vũ lực. Định nghĩa này hạn chế khả năng phản ứng của quốc gia chiếu theo luật quốc tế, trong trường hợp quốc gia đó phải hứng chịu các hành động sử dụng vũ lực từ quốc gia khác nhưng các hành động sử dụng vũ lực đó chưa tới mức được công nhận là “tấn công vũ trang”.

Tiền lệ pháp đã có một số trường hợp giúp phân biệt hai khái niệm “sử dụng vũ lực” và “tấn công vũ trang” ví dụ như trong trường hợp Mỹ vs Nicaragua. Trong đó thì toà cho rằng cần thiết phải phân biệt giữa các hình thái sử dụng vũ lực từ mạnh nhất cho tới yếu nhất. Sau đó, toà cũng cho rằng một hành động sử dụng vũ lực có phải là tấn công vũ trang hay không dựa chủ yếu vào quy mô và tác động của hành động chứ không hẳn chỉ là vào đối tượng thực hiện các hành động đó (lực lượng chính quy hay không chính quy). Vấn đề đặt ra liên quan tới lực lượng dân quân biển gồm có: (1) Liệu những hành động của lực lượng dân quân biển trong một số trường hợp có được xem là sử dụng vũ lực hay không? (2) Liệu những nhiệm vụ đó có khả năng kích động các nước khác tiến hành phòng vệ tập thể hay không? (3) Liệu những gì Trung Quốc đang thực hiện thông qua lực lượng dân quân biển có phải đang tận dụng khoảng trống trong luật pháp quốc tế, liên quan tới sự không rõ ràng trong định nghĩa thế nào là sử dụng vũ lực và thế nào là tấn công vũ trang? Một lần nữa, việc quyết định xem liệu các hoạt động của dân quân biển có được xem là tấn công vũ trang hay sử dụng vũ lực phải tùy vào từng trường hợp cụ thể, dựa trên các nguyên tắc để nêu: đánh giá dựa trên quy mô, tác động và mức độ của hành động thực thi.

Cơ chế thứ ba là Luật Chiến tranh trên biển. Được đánh giá là cơ chế đơn giản nhất trong việc phân tích hành vi của dân quân biển, với lý do là luật này chỉ áp dụng khi một quốc gia đã chính thức tham gia vào một cuộc xung đột quốc tế, nói cách khác là Luật Chiến tranh trên biển chỉ áp dụng trong trường hợp có chiến tranh. Vấn đề ở đây là Luật Chiến tranh trên biển

vẫn còn một số điểm chưa được chuẩn mực hoá. Thứ nhất là câu hỏi liệu tàu cá có chịu tác động bởi Luật nếu như có xung đột xảy ra hay không. Và câu trả lời là không nếu như chúng chỉ được sử dụng để phục vụ mục đích kinh tế đơn thuần. Tuy nhiên, dân quân biển Trung Quốc lại có khả năng được xem xét như một đối tượng lưỡng tính bởi ba điểm: (1) Lực lượng này đã từng tham gia vào Hải chiến Hoàng Sa 1974 giữa Trung Quốc và Việt Nam; (2) Những hoạt động hiện tại của dân quân biển Trung Quốc nhằm hỗ trợ hải quân và các lực lượng chấp pháp biển có thể tiếp tục gia tăng trong trường hợp có chiến tranh và (3) các chương trình huấn luyện trong tình huống chiến tranh vẫn được tiến hành. Ba điểm này cho thấy là dân quân biển Trung Quốc có thể bị chế tài bởi Luật nếu như xung đột bùng nổ một khi họ tham gia vào các hoạt động tác chiến như hậu cần hay thu thập thông tin tình báo.

Vấn đề tiếp theo có liên quan là vấn đề tù nhân chiến tranh, qua đó thì thành viên của lực lượng dân quân biển cũng được xem là thành viên của lực lượng vũ trang theo Luật. Ở đây lại tạo ra một số câu hỏi pháp lý có liên quan. Các thành viên dân quân biển Trung Quốc thực sự “là một phần của lực lượng vũ trang” hay là một lực lượng tách biệt? Để trả lời câu hỏi này cần dựa vào một số điều kiện căn bản: (1) Dân quân biển Trung Quốc được chỉ huy bởi những cá nhân chịu trách nhiệm cho các hành động của họ, tức là có cơ chế chỉ huy/kiểm soát và chịu trách nhiệm cụ thể; (2) Liệu có dấu hiệu nào cho thấy dân quân biển Trung Quốc có dấu hiệu nhận biết hay không (ở đây là có đồng phục, phù hiệu riêng đặc trưng; (3) Lực lượng dân quân có được mang vũ khí một cách công khai và (4) Dân quân biển Trung Quốc có tiến hành các nhiệm vụ dựa trên luật và thông lệ chiến tranh hay không? Điều thứ tư là điều khó nhận xét nhất.

Vấn đề cuối cùng được cho là liên quan tới các chiến thuật sử dụng trong chiến tranh. Luật cho phép một số chiến thuật đánh lừa được sử dụng trong hải chiến, tuy nhiên một số hình thức khác lại bị cấm. Ví dụ, để bảo vệ dân thường, các bên tham chiến phải phân biệt bản thân họ với thường dân trong khi tiến hành các nhiệm vụ hay chuẩn bị cho các nhiệm vụ chiến tranh. Các điều kiện để phân biệt lực lượng du kích với dân thường cũng nêu lên nhưng vẫn còn gây tranh cãi. Áp dụng điểm này để phân tích dân quân biển Trung Quốc vì thế chưa rõ ràng do có thể có những cách hiểu khác nhau về cụ thể các nhiệm vụ của dân quân biển Trung Quốc cũng như chưa có bằng chứng rõ ràng về việc liệu lực lượng này có áp dụng các chiến thuật đánh lừa bị cấm hay không.

Kết luận

Có thể thấy dân quân biển không phải là một lực lượng mới ra đời mà đã là một bộ phận trực thuộc lực lượng vũ trang và chiến lược quốc phòng Trung Quốc kể từ khi nước CHND Trung Hoa được thành lập năm 1949. Tuy nhiên, trước 2009, dân quân biển Trung Quốc chỉ đơn thuần là một lực lượng phòng thủ và đơn thuần mang yếu tố hỗ trợ cho các lực lượng chính

quy và thường không được nhà nước chú ý đầu tư đúng mức. Bên cạnh đó chiến lược hải quân Trung Quốc cũng biến đổi dần qua thời gian, do đó dân quân biển Trung Quốc cũng sẽ biến đổi một cách tương ứng.

Kể từ năm 2009 khi các tranh chấp lãnh hải giữa Trung Quốc và các quốc gia láng giềng không ngừng leo thang, Bắc Kinh đã áp dụng một chiến lược an ninh biển hoàn toàn mới, tăng cường sự kiểm soát của mình trên thực địa nhưng cũng đồng thời tránh gây nên những căng thẳng quá nóng hơn mức cần thiết. Dân quân biển, cùng với các lực lượng chấp pháp bán quân sự như hải cảnh, là các công cụ tối quan trọng. Một mặt, Trung Quốc có thể dùng các lực lượng dân sự và bán quân sự áp đảo đối thủ và kiểm soát về mặt thực địa. Mặt khác, tính chất lưỡng dụng khiến cho dân quân biển và các lực lượng khác có khả năng tạo ra một “vùng xám” về cả chính sách và pháp lý liên đới tới các quốc gia xung quanh. Chiến lược này cho tới hiện nay vẫn mang lại hiệu quả cao.

Hồ sơ dân quân biển chỉ mang tính chất tổng hợp, không phải là một nghiên cứu học thuật. Quá trình phát triển dân quân biển ở Trung Quốc sẽ vẫn còn có những thay đổi và biến hoá trong thời gian sắp tới. Và vì thế các cập nhật và bổ sung sẽ được tiến hành liên tục trong tương lai để hồ sơ ngày càng hoàn thiện hơn.

NHÀ TÀI TRỢ

Ấn phẩm được hỗ trợ kinh phí từ quỹ tài chính chung của Dự án Sự Ký Biển Đông, được tài trợ bởi những nhà tài trợ sau:

I. Tổ chức



II. Cá nhân

Nhà nghiên cứu Thái Văn Cầu

TS. Phạm Thanh Vân

PGS. TS. Nguyễn Hồng Thao

Một độc giả Dự án Đại Sự Ký Biển Đông

Th.S. Trần Thị Phương Thảo

Một thành viên Dự án

Nghiên cứu sinh Cái Ngọc Thiên Hương

Anh Nguyễn Phúc Thiện